

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP**

**CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU PHIÊN HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 128 /NQ-PBHC ngày 28/05/2020  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty)*

**MỤC LỤC**

|                                                                                                                            |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHẦN 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU .....</b>                                                    | <b>3</b>  |
| <b>PHẦN 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>                                                                         | <b>6</b>  |
| <b>PHẦN 3 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 .....</b>                                                                | <b>19</b> |
| <b>PHẦN 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 .....</b>                                                                           | <b>22</b> |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN.....                                                                          | 22        |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN .....                                                                            | 31        |
| <b>PHẦN 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>                                                            | <b>40</b> |
| <b>PHẦN 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 2019 VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN<br/>ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2020 .....</b>       | <b>42</b> |
| <b>PHẦN 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN<br/>KIỂM SOÁT NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020.....</b> | <b>48</b> |
| <b>PHẦN 8 – QUY CHẾ BẦU CỬ VÀ TỜ TRÌNH VỀ MIỄN NHIỆM &amp; BẦU CỬ THÀNH<br/>VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>                | <b>49</b> |
| <b>PHẦN 9 – TỜ TRÌNH VỀ NGUYÊN TẮC QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ<br/>NĂM 2019 .....</b>                                  | <b>55</b> |
| <b>PHẦN 10 – TỜ TRÌNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ<br/>QUYẾT ĐỊNH VIỆC MUA KHÍ.....</b>                    | <b>58</b> |

Số: 428 /NQ-PBHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2020

### NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua chương trình, tài liệu phiên họp thường niên năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần (PVFCCo);
- Xét đề nghị của Văn phòng Hội đồng quản trị theo tờ trình số 23/TTr-VP HĐQT ngày 26/05/2020,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua chương trình nghị sự và dự thảo tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP theo nội dung đính kèm Tờ trình số 23/TTr-VP HĐQT ngày 26/05/2020 của Văn phòng Hội đồng quản trị, gồm các nội dung như sau:

1. Chương trình nghị sự phiên họp;
2. Nội quy, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị và hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2019;
4. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2020;
5. Báo cáo tài chính năm 2019;
6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Dự kiến Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 và Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020;
8. Báo cáo về thực hiện quỹ lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và dự toán năm 2020;
9. Quy chế bầu cử và Tờ trình bầu cử thành viên Hội đồng quản trị ;
10. Tờ trình về nguyên tắc quyết toán hợp đồng mua khí năm 2019;
11. Tờ trình chủ trương ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc mua khí nguyên liệu;
12. Các dự thảo Thông báo mời họp, Thông báo về việc ứng cử/đề cử vào Hội đồng quản trị.



**Điều 2.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- HĐQT; Ban TGD; BKS;
- Ban: VPTCT, KH-ĐT, TCNS&ĐT, TMPC, TCKT, NCPT-TT
- Lưu: VT, VPHĐQT (TTV).

*hl*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
HỦ TỊCH**



Tiến Vinh



**DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**  
**PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**  
 Ngày 16/06/2020

| <b>Thời gian</b>     | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Thời lượng</b> |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>8h00 - 8h30</b>   | Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông                                                                                                                                                                                                                         | 30 phút           |
| <b>8h30 - 8h40</b>   | Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu                                                                                                                                                                                                             | 10 phút           |
| <b>8h40 - 8h43</b>   | Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông                                                                                                                                                                                                                 | 3 phút            |
| <b>8h43 - 8h50</b>   | Thông báo nội quy cuộc họp<br>Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp                                                                                                                                                                                  | 7 phút            |
| <b>8h50 - 9h05</b>   | Chào mừng quý cổ đông và khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.<br>Thông qua Chương trình nghị sự của cuộc họp.<br>Thông qua Ban kiểm phiếu.                                                                                                            | 15 phút           |
| <b>9h05 - 9h20</b>   | Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động SXKD của TCT năm 2019; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020                                                                                                                                           | 15 phút           |
| <b>9h20 - 9h30</b>   | Báo cáo tài chính năm 2019; Phương án phân phối lợi nhuận 2019, kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020                                                                                                                                                        | 10 phút           |
| <b>9h30 - 9h40</b>   | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020                                                                                                                                                               | 10 phút           |
| <b>9h40 - 9h45</b>   | Báo cáo về thực hiện quỹ lương, thưởng, thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và dự toán 2020                                                                                                                                                                       | 05 phút           |
| <b>9h45 - 10h05</b>  | Miễn nhiệm và bầu cử bổ sung TV HĐQT:<br>- Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và danh sách bầu cử bổ sung thành viên HĐQT<br>- Ban Tổ chức (thông qua Ban kiểm phiếu) hướng dẫn thực hiện việc bầu cử<br>- ĐHĐCĐ bỏ phiếu bầu TV HĐQT | 20 phút           |
| <b>10h05 - 10h20</b> | <b>Giải lao</b>                                                                                                                                                                                                                                          | <b>15 phút</b>    |
| <b>10h20 - 10h35</b> | Tờ trình về nguyên tắc quyết toán hợp đồng mua khí năm 2019 và Tờ trình chủ trương ủy quyền cho HĐQT quyết định việc mua khí nguyên liệu                                                                                                                 | 15 phút           |
| <b>10h35 - 11h00</b> | <b>Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến</b>                                                                                                                                                                                                               | <b>25 phút</b>    |
| <b>11h00 - 11h05</b> | Cổ đông hoàn tất phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu                                                                                                                               | 05 phút           |
| <b>11h05 - 11h15</b> | Đại hội tiếp tục thảo luận                                                                                                                                                                                                                               | 10 phút           |
| <b>11h15 - 11h25</b> | Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả bầu cử và kết quả biểu quyết thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ                                                                                                                                                           | 10 phút           |
| <b>11h25 - 11h40</b> | Thư ký báo cáo dự thảo Biên bản, Nghị quyết đại hội, Chủ tọa điều hành đề Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết và tuyên bố bế mạc cuộc họp.                                                                                               | 15 phút           |

## **Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU**

Bản Nội quy cuộc họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên & bất thường của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp.

### **I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón. Chỉ những cổ đông của Tổng công ty và khách mời chính thức khác của Tổng công ty mới được phép vào phòng họp.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

### **II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP**

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu khai mạc cuộc họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**

ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay/giơ thẻ biểu quyết.

4. **Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**

Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.

5. **Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo Tổng công ty báo cáo cuộc họp ĐHĐCĐ các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHĐCĐ và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày hoặc theo sự điều khiển hợp lý của Chủ tọa.
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại cuộc họp cần điền nội dung câu hỏi vào Phiếu ý kiến (do ban tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu cuộc họp được Tổng công ty đăng tải trên website, đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức đại hội.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung.

- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Tổng công ty.

### **III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:**

#### **1. Nguyên tắc:**

Theo Quy chế nội bộ về quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua, các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng hình thức giơ tay hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện tùy theo tính chất vấn đề xin ý kiến. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin)

#### **2. Cách biểu quyết:**

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

Riêng trong trường hợp có bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (HĐQT/BKS), cổ đông điền Phiếu bầu cử theo quy định và hướng dẫn tại Quy chế bầu cử HĐQT/BKS.

#### **3. Thời điểm biểu quyết:**

Theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết/chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức.

#### **4. Kiểm phiếu:**

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm phiếu bầu HĐQT, BKS, kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, tờ trình của phiên họp ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

### **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:**

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

### **V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:**

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
3. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

### **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:**

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết, quy chế bầu cử HĐQT, BKS.
2. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử và kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.

3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký kết quả bầu cử, biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy cuộc họp và Thể lệ biểu quyết, kèm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA, CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nguyễn Tiến Vinh**

## **Phần 2 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2019**

#### *1. Tổng quan*

Năm 2019 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tỏa sáng về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát được kiểm chế ở mức rất thấp mặc dù bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới còn nhiều thách thức và bất ổn; Giá dầu thế giới đã tăng dần trở lại dẫn tới giá khí cũng tăng lên sau khi đã giảm xuống mức thấp, tạo áp lực chi phí cho Tổng công ty; Tình hình cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ phân bón trong năm 2019 và tiếp tục kéo dài sang năm 2020; Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Nội tại PVFCCo phát sinh một số khó khăn như việc Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong quá trình bảo dưỡng cơ hội đã xác định thiết bị HTER thuộc dự án NH3 Revamp sau khi chạy thử và đưa vào vận hành đã bị hỏng lớp bê tông chịu nhiệt, đòi hỏi nhiều thời gian sửa chữa, khắc phục. Do vậy đã kéo dài thời gian dừng máy làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Sản phẩm NPK Nhà máy sản xuất là sản phẩm mới nên cần thời gian để hoàn thiện hoạt động sản xuất, vận hành ổn định. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể cán bộ, công nhân viên, Tổng công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2019 và vượt mức kế hoạch lợi nhuận (đã điều chỉnh).

#### *2. Những kết quả đạt được:*

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2019 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2019, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị chi phí, tài sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã triển khai quyết liệt và hoàn thành cơ bản việc thi công xây dựng dự án đầu tư nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học...với việc phân xưởng NH<sub>3</sub> nâng cấp đã vận hành thương mại từ tháng 1/2018.

Trong năm 2019, mặc dù phải trải qua đợt bảo dưỡng kéo dài 72 ngày, Xưởng NH<sub>3</sub> được vận hành hiệu quả với sản lượng kinh doanh thương mại đạt gần 59 ngàn tấn, tăng 12,2% so với năm trước. Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học vận hành thương mại trong quý 3/2018 và trong năm 2019 đã sản xuất được hơn 84 ngàn tấn, sản lượng kinh doanh đạt gần 77 ngàn tấn NPK.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2019 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM..., bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

**Trong bối cảnh thuận lợi và thách thức đan xen, kết thúc năm tài chính 2019, Tổng công ty đạt được kết quả SXKD như sau:**

**2.1. Các chỉ tiêu chính đạt được**

**a. Sản lượng sản xuất:**

- Urê PM: 707.892 tấn - đạt 106% KH năm, giảm 13% so với năm 2018.
- UFC85: 11.766 tấn - đạt 109% KH năm, tăng 6% so với năm 2018.
- NPK PM: 84.499 tấn - đạt 56% KH năm, tăng 45% so với năm 2018.
- NH<sub>3</sub> (sx để bán thương mại): 61.453 tấn - đạt 134% KH năm, tăng 9% so với năm 2018..

**b. Sản lượng kinh doanh:**

- Urê PM: 691.173 tấn – đạt 102% KH năm, giảm 15% so với năm 2018.
- *Trong 9 tháng đầu năm 2019 do khó khăn cộng hưởng từ việc Nhà máy dừng máy dài ngày, lượng hàng nhập khẩu lớn, giá rẻ và biến đổi khí hậu làm diện tích canh tác nông nghiệp giảm nên lượng hàng urê Phú Mỹ tiêu thụ được rất thấp. Tuy nhiên trong quý IV/2019 TCT đã có những giải pháp quyết liệt, phù hợp để đẩy mạnh tiêu thụ, giữ vững thị phần và uy tín thương hiệu. Kết quả là lượng hàng tiêu thụ trong Quý IV/2019 tăng khoảng 39% so với quý IV/2018, giúp TCT tiêu thụ vượt KH 2019 2%.*
- NPK PM (hàng sản xuất): 76.647 tấn – đạt 49% KH năm, tăng 122% so với năm 2018.
- Phân bón khác (nhập khẩu và tự doanh): 207.891 tấn – đạt 89% KH năm, giảm 36% so với năm 2018.

Một số nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng kinh doanh phân bón không đạt kế hoạch:

- Thời tiết nắng nóng, khô hạn ở Tây Nam Bộ, Bắc Trung Bộ, lũ lụt tại Tây Nguyên khi vào chính vụ chăm bón đã làm giảm mạnh nhu cầu về phân bón, ước tính nhu cầu giảm 20%-30% so với năm trước.
  - Giá bán nhóm nông sản tiêu thụ chủ yếu phân NPK, Urê như hồ tiêu, cà phê, cao su, lúa đều giảm sâu nên ảnh hưởng rất lớn đến khả năng đầu tư/tái đầu tư cho phân bón, thậm chí một số vùng thu hẹp diện tích canh tác/bỏ ruộng.
  - Chính sách thuế theo hướng khuyến khích hàng nhập khẩu (được hoàn VAT, cắt giảm thuế nhập khẩu theo cam kết FTA) dẫn đến phân bón nhập khẩu tăng cao trong những tháng đầu năm, đặc biệt là NPK, khiến thị trường phân bón trong nước bị mất cân đối.
  - Nhà máy NPK mới đi vào hoạt động, từ công nghệ hoá học chuyển sang sản xuất mode rắn nên các thiết bị chưa đồng bộ về việc sấy sản phẩm, kinh nghiệm sản xuất còn hạn chế, sản phẩm sản xuất còn có hiện tượng đóng cục, màu sắc không đều nên phải thu hồi để xử lý, tâm lý người tiêu dùng còn e ngại.
  - Năm 2018 hệ thống đại lý tồn kho khối lượng lớn sản phẩm NPK nhập khẩu chuyển sang 2019, gây ảnh hưởng lớn đến khả năng tiêu thụ NPK do TCT sản xuất.
- NH<sub>3</sub>: 58.827 tấn – đạt 131% KH năm, tăng 12% so với năm 2018.
  - UFC85: 8.398 tấn – đạt 105% KH năm, tăng 5% so với năm 2018.
  - CO<sub>2</sub>: 51.181 tấn – đạt 116% KH năm, tăng 15% so với năm 2018.
  - Hóa chất khác: 1.630 tấn – đạt 116% KH năm, giảm 6% so với năm 2018.

**c. Chỉ tiêu tài chính:**

- Doanh thu hợp nhất: 7.831 tỷ đồng – đạt 91% KH năm, giảm 17% so với năm 2018.

Doanh thu không đạt KH chủ yếu do sản lượng phân bón NPK và phân bón khác không đạt KH như đã nêu trên, giá bán các loại phân bón giảm so với KH, giá Urê giảm 3%, giá NPK

giảm 2% so với KH khiến doanh thu các mặt hàng này không đạt KH, cụ thể doanh DT Urê Phú Mỹ đạt 99%, DT NPK đạt 48%, DT phân bón khác đạt 92% KH năm.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 467 tỷ đồng - đạt 228% KH năm, giảm 46% so với năm 2018.
- Doanh thu không đạt KH nhưng lợi nhuận vượt KH năm chủ yếu do giá khí giảm trong Quý IV, làm giá khí bình quân cả năm giảm 2% so với KH, khiến giá thành giảm, cùng với yếu tố này thì chi phí lãi vay giảm do các DA chậm giải ngân và lợi nhuận từ hoạt động khác (vận chuyển, cho thuê kho, cho thuê VP, bán tài sản) tăng so với KH. Ngoài ra, việc cắt giảm chi phí bán hàng, quản lý và tiết giảm năng lượng trong vận hành Nhà máy ĐPM đã góp phần nâng cao lợi nhuận hoạt động.

## 2.2. Công tác quản lý sản xuất:

- Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) của Nhà máy được thực hiện thông qua dữ liệu phần mềm CMMS (quản lý tình trạng thiết bị, kế hoạch bảo dưỡng và thay thế vật tư thiết bị, kiểm soát tồn kho) giúp Nhà máy tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa và tồn kho thấp nhất. Kết quả, TCT thực hiện thành công đợt bảo dưỡng dài ngày và phức tạp nhất từ trước đến nay, song song BDTT và đấu nối dây chuyền SX NH3 revamp nâng công suất mới. Sau khi hoàn thành BDTT, Nhà máy vận hành an toàn, duy trì NH3 vận hành ở tải 100% Revamp, Urê vận hành công suất trung bình 2.450 tấn/ngày, cụm UFC85 vận hành ở tải 77%.
- Về thời gian chạy máy: Năm 2019 tại xưởng Urê đạt 80,1%; Xưởng NH3 đạt 80,4%; Tỷ lệ giờ chạy máy thấp hơn bình thường do đầu năm 2019 Nhà máy Đạm Phú Mỹ phải dừng máy xử lý sự cố quá nhiệt thiết bị HTER xưởng NH3 thuộc dự án NH3 Revamp và kết hợp thực hiện bảo dưỡng cơ hội trong 72 ngày. Xưởng NPK đạt thấp (35% tổng thời gian) do từ công nghệ hoá học chuyển sang sản xuất mode rắn nên cần thời gian hoàn thiện, đồng bộ về công nghệ, đồng thời thời lượng sản xuất còn phụ thuộc vào nhu cầu thị trường.
- Về các định mức tiêu hao: Trong năm 2019 các tiêu hao cho sản xuất tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, các tiêu hao về năng lượng đều thấp hơn định mức ban hành.
- Về chất lượng sản phẩm: TCT tiếp tục thực hiện các biện pháp để cải tiến và kiểm soát chất lượng sản phẩm, thường xuyên/định kỳ phối hợp với Công ty vùng miền kiểm tra, khảo sát CLSP, TCT đã Ban hành bổ sung chỉ tiêu chất lượng nội bộ của Urê và NPK Phú Mỹ; Ban hành phân cấp CLSP Urê và NPK Phú Mỹ. Hiện tại các sản phẩm do TCT sản xuất đều đạt chất lượng công bố.

## 2.3. Hoạt động quản lý kinh doanh:

Trước tình hình thị trường phân bón thế giới biến động khó lường, thị trường phân bón trong nước cạnh tranh cao, công tác tổ chức kinh doanh của PVFCCo tập trung vào nhiệm vụ giữ vững thị phần, phát triển kinh doanh sản phẩm phân bón mới, phát triển KD hóa chất, khẳng định chất lượng sản phẩm, thể hiện cụ thể ở các điểm sau:

- Công tác thông tin dự báo thị trường: Thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường trong và ngoài nước; tổ chức hệ thống thông tin thông suốt từ Tổng công ty đến từng cán bộ kinh doanh. Việc cập nhật tin tức kịp thời giúp Tổng công ty đưa ra những quyết định phù hợp trong công tác chuẩn bị nguồn hàng và xây dựng giá bán sát giá thị trường.
- Tổ chức/phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề: Nhằm cập nhật, trao đổi thông tin và huy động trí tuệ tập thể trong quản lý hoạt động kinh doanh, PVFCCo cũng đã tổ chức/phối hợp tổ chức/tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo về công tác kinh doanh, thương hiệu, thông tin thị trường... Kết quả các hội nghị, hội thảo đã góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo, trong việc tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, là cơ sở giúp Tổng Công ty hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.
- Hệ thống phân phối: Công tác quản lý hệ thống phân phối tiếp tục được tăng cường và hoàn thiện. Thường xuyên rà soát, đánh giá để phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuyên suốt từ đại lý cấp 1/nhà phân phối - cửa hàng, lựa chọn hợp tác/đàm phán hợp tác với các Đại

lý/Nhà phân phối có tiềm lực về tài chính và kinh nghiệm, sẵn sàng phát triển thị trường cho các sản phẩm phân bón của TCT và song hành với TCT trong cả những giai đoạn thị trường khó khăn.

- Chất lượng sản phẩm Phú Mỹ tiếp tục được khẳng định: ĐPM - lần thứ 16 liên tiếp đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao; TCT nhận được danh hiệu “Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu” lần thứ 5 liên tiếp.
- Tiếp tục phát triển đa dạng trong sản xuất kinh doanh hóa chất, hóa phẩm dầu khí.
- Các hoạt động quản lý SXKD được tổ chức/thực hiện đồng bộ đã góp phần giúp Tổng công ty đạt được hiệu quả kinh doanh nhất định. Đồng thời, chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ kinh doanh trong thời gian tới.

#### 2.4. Hoạt động đầu tư XDCH

Trong năm 2019, TCT thực hiện 1 DA nhóm A, 1 DA nhóm C và một số hạng mục mua sắm TSCĐ/TTB. Kết quả đạt được như sau:

- **Tổ hợp dự án "Nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> của NMDPM và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hóa học"**
  - + *Dự án NH<sub>3</sub>*: Đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (PAC) ngày 25/9/2019, đang làm các thủ tục thanh quyết toán với nhà thầu, dự kiến hoàn thành quyết toán trong quý III/2020
  - + *Dự án NPK*: hoàn thành gần 100%. Đã bàn giao hiện trạng nhà máy để vận hành thương mại từ ngày 10/8/2018. Hiện các bên tiếp tục hoàn thiện các tồn đọng và hồ sơ để nghiệm thu chính thức dự án. Tổng công ty và Nhà thầu tiếp tục đàm phán để hoàn thành chạy thử nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải (ETP), và Chủ đầu tư đang thực hiện sửa chữa hệ thống thu gom nước mưa để phục vụ cho nghiệm thu chính thức toàn dự án (mốc PAC), với nỗ lực hoàn thành trong thời gian sớm nhất.
- **Dự án Kho chứa phân bón tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ**: Nhà thầu đang triển khai thi công,

**Giá trị giải ngân trong ĐTXDCH & MSTTB năm 2019 ước đạt 116,3 tỷ đồng, tương đương 13% KH năm.** *Giải ngân thấp so với KH là do các mốc cuối của 2 hợp đồng EPC tổ hợp dự án NH<sub>3</sub>&NPK Nhà thầu chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán; ngoài ra còn 1 một số hạng mục của các phát sinh chưa được thống nhất giá trị giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu.*

#### 2.5. Các danh hiệu đạt được:

- PVFCCo được bình chọn trong Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn);
- Thương hiệu Đạm Phú Mỹ tiếp tục nằm trong Top 40 thương hiệu có giá trị nhất Việt Nam (do Tạp chí Forbes bình chọn);
- PVFCCo được bình chọn trong Top 5 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn đạt giải Quản trị công ty tốt nhất (Sở GD&ĐT TP HCM & HN đồng tổ chức bình chọn);
- DPM được bình chọn trong Top 3 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa vừa có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư được cộng đồng nhà đầu tư ưa thích nhất (trang tin tài chính trực tuyến đầu tư tài chính vietstock.vn tổ chức);
- PVFCCo được bình chọn trong Top30 doanh nghiệp niêm yết nhóm Largecap có Báo cáo thường niên tốt nhất;
- Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 16 liên tiếp;
- Top 500 DN lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm thứ 12 liên tiếp;
- “Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu” lần thứ 5 liên tiếp do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam bình chọn.

**Bảng tổng hợp các chỉ tiêu SXKD:**

| Stt      | Chỉ tiêu                                               | Đvt       | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ so với năm 2018 (%) | Tỷ lệ hoàn thành KH (%) |
|----------|--------------------------------------------------------|-----------|--------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| A        | B                                                      | C         | 1                  | 2                 | 3.0                | 4=3/1                     | 5=3/2                   |
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất</b>                              |           |                    |                   |                    |                           |                         |
| 1.1      | Đạm Phú Mỹ                                             | Nghìn tấn | 815,9              | 671,0             | 707,89             | 87%                       | 106%                    |
| 1.2      | UFC 85                                                 | Nghìn tấn | 11,1               | 10,8              | 11,77              | 106%                      | 109%                    |
| 1.3      | NPK                                                    | Nghìn tấn | 58,4               | 150,0             | 84,50              | 145%                      | 56%                     |
| 1.4      | NH3 (để thương mại)                                    | Nghìn tấn | 56,4               | 45,9              | 61,45              | 109%                      | 134%                    |
| <b>2</b> | <b>Sản lượng kinh doanh</b>                            |           |                    |                   |                    |                           |                         |
| 2.1      | Đạm Phú Mỹ                                             | Nghìn tấn | 812,4              | 680,0             | 691,17             | 85%                       | 102%                    |
| 2.2      | NPK                                                    |           | 34,6               | 155,0             | 76,65              | 222%                      | 49%                     |
| 2.3      | Phân bón tự doanh                                      | Nghìn tấn | 326,9              | 232,5             | 207,89             | 64%                       | 89%                     |
| 2.4      | UFC 85                                                 | Nghìn tấn | 8,0                | 8,0               | 8,40               | 105%                      | 105%                    |
| 2.5      | NH3 (để thương mại)                                    |           | 52,4               | 45,0              | 58,83              | 112%                      | 131%                    |
| 2.6      | CO2                                                    |           | 44,6               | 44,0              | 51,18              | 115%                      | 116%                    |
| 2.7      | Hóa chất                                               | Nghìn tấn | 1,7                | 1,4               | 1,63               | 94%                       | 116%                    |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)</b> |           |                    |                   |                    |                           |                         |
| 3.1      | Tổng doanh thu                                         | Tỷ đồng   | 9.438,6            | 8.645,3           | 7.831              | 83%                       | 91%                     |
| 3.2      | Lợi nhuận trước thuế                                   | Tỷ đồng   | 870,6              | 204,9             | 467,1              | 54%                       | 228%                    |
| 3.3      | Lợi nhuận sau thuế                                     | Tỷ đồng   | 712,5              | 169,6             | 388,9              | 55%                       | 229%                    |
| 3.4      | Nộp NSNN                                               | Tỷ đồng   | 297,1              | 205,7             | 127,9              | 43%                       | 62%                     |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ</b>                   |           |                    |                   |                    |                           |                         |
| 4.1      | Vốn chủ sở hữu                                         | Tỷ đồng   | 8.132,2            | 7.560,0           | 8.041,5            | 99%                       | 106%                    |
| 4.2      | Trong đó: Vốn điều lệ                                  | Tỷ đồng   | 3.914,0            | 3.914,0           | 3.914,0            | 100%                      | 100%                    |
| 4.3      | Tổng doanh thu                                         | Tỷ đồng   | 9.017,3            | 8.400,0           | 7.006,1            | 78%                       | 83%                     |

| Stt   | Chỉ tiêu                               | Đvt     | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ so với năm 2018 (%) | Tỷ lệ hoàn thành KH (%) |
|-------|----------------------------------------|---------|--------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| 4.4   | Lợi nhuận trước thuế                   | Tỷ đồng | 863,2              | 189,6             | 435,5              | 50%                       | 230%                    |
| 4.5   | Lợi nhuận sau thuế                     | Tỷ đồng | 715,2              | 162,6             | 370,4              | 52%                       | 228%                    |
| 5.6   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | %       | 18,3               | 4,2               | 9,5                | 52%                       | 228%                    |
| 4.7   | Nộp NSNN                               | Tỷ đồng | 273,1              | 188,3             | 106,7              | 39%                       | 57%                     |
| 4.8   | Đầu tư                                 |         |                    |                   |                    |                           |                         |
| 4.8.1 | Tổng mức đầu tư                        | Tỷ đồng | 909,6              | 772,0             | 116,3              | 13%                       | 15%                     |
|       | Đầu tư XDCB                            | Tỷ đồng | 831,0              | 692,0             | 100,0              | 12%                       | 14%                     |
|       | Mua sắm trang thiết bị                 | Tỷ đồng | 78,5               | 80,0              | 16,3               | 21%                       | 20%                     |
|       | Đầu tư góp vốn                         | Tỷ đồng |                    |                   |                    |                           |                         |
| 4.8.2 | Nguồn vốn đầu tư                       | Tỷ đồng | 909,6              | 772,0             | 116,3              | 13%                       | 15%                     |
|       | Vốn chủ sở hữu                         | Tỷ đồng | 341,9              | 498,0             | 41,8               | 12%                       | 8%                      |
|       | Vốn vay và khác                        | Tỷ đồng | 567,7              | 274,1             | 74,5               | 13%                       | 27%                     |

### 3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2019, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn cần phải tiếp tục khắc phục và giảm thiểu tác động của một số tồn tại, hạn chế đã chỉ ra:

#### a) Về sản xuất:

- Nhà máy đạm Phú Mỹ sau hơn 15 năm vận hành, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh. Việc kết nối, vận hành giữa dây chuyền thiết bị cũ và thiết bị mới đầu tư giai đoạn đầu còn có một số khó khăn, rủi ro trong việc đảm bảo sự vận hành ổn định, liên tục của toàn thể Nhà máy.

#### b) Về quản lý giá thành sản xuất:

- Nhà máy NPK vận hành ở giai đoạn đầu, tính ổn định và sản lượng còn thấp, cũng như việc chuẩn bị nguồn nguyên liệu chưa tối ưu, khiến cho việc xây dựng định mức tiêu hao, kiểm soát giá thành chưa đạt hiệu quả tốt nhất.

#### c) Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết:

- Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết: VNPOLY (PVTEX), PVC Mekong, PAIC và Công ty cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được trong năm 2019 như kế hoạch đề ra. Hoạt động của các công ty này (trừ PAIC & Út Xi) trong năm 2019 tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.

### 4. Các giải pháp xử lý, khắc phục đối với các chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch:

Năm 2019 Tổng công ty chưa đạt kế hoạch về chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ NPK, sản lượng kinh doanh phân bón khác và chỉ tiêu tổng doanh thu.

- Đối với sản xuất, kinh doanh NPK: Nguyên nhân chính là hoạt động sản xuất chưa ổn định, chưa đạt công suất vận hành theo kế hoạch, điều này dẫn tới giá thành sản xuất theo đơn vị sản phẩm tăng lên so với kế hoạch. Trong bối cảnh thị trường khó khăn, giá bán NPK cũng không đạt so với kế hoạch. Giải pháp chủ yếu cho vấn đề này là nỗ lực xử lý các vấn đề tồn tại trong thiết bị, công tác vận hành của xưởng NPK theo phạm vi dự án đầu tư cũng như theo phạm vi quản lý vận hành sản xuất, nhằm đảm bảo xưởng NPK vận hành ổn định, liên tục, nâng cao sản lượng và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Đối với chỉ tiêu kinh doanh phân bón khác: Nhiệm vụ kinh doanh thêm các sản phẩm phân bón khác Tổng công ty thực hiện với mục tiêu đa dạng hóa gói sản phẩm, gia tăng doanh thu trên cơ sở đảm bảo hiệu quả. Do vậy sản lượng kinh doanh phân bón tự doanh sẽ được cân đối, tính toán thực hiện trong thực tế phù hợp với mục tiêu này.

- Đối với chỉ tiêu tổng doanh thu: Chỉ tiêu doanh thu phụ thuộc vào 2 yếu tố chính là sản lượng và giá bán. Về sản lượng, giải pháp của Tổng công ty là đảm bảo sản lượng các sản phẩm sản xuất gồm Ure, NH<sub>3</sub>, UFC 85 đạt và vượt kế hoạch, nỗ lực đạt tốt nhất về sản lượng sản xuất NPK và sản lượng kinh doanh phân bón khác để giúp đảm bảo chỉ tiêu doanh thu. Về giá bán, phụ thuộc theo thị trường tuy nhiên Tổng công ty sẽ có giải pháp về mặt kinh doanh để tối ưu về giá bán sản phẩm thông qua hệ thống phân phối.

## **5. Xử lý các kiến nghị tại báo cáo của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2019, Ban kiểm soát kiến nghị 2 nội dung và Tổng công ty đã triển khai thực hiện:

1. BKS đề nghị TCT rà soát cập nhật ban hành Quy trình/Quy chế phối hợp HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát, chỉ đạo các Ban liên quan thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát, có báo cáo phản hồi kịp thời cho Ban kiểm soát theo quy định: HĐQT đã chỉ đạo triển khai công tác rà soát hệ thống quy trình, quy định để cập nhật, ban hành lại phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, chỉ đạo bộ máy điều hành xem xét các nội dung kiến nghị của Ban kiểm soát tại các báo cáo thẩm định BCTC các quý và cả năm.
2. BKS đề nghị TCT chỉ đạo Ban QLDA xử lý dứt điểm các tồn đọng để ký nghiệm thu & quyết toán vốn công trình Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học và dự án Nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub>: HĐQT đã tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành và Ban QLDA đề đơn đốc, thúc đẩy tiến độ xử lý các tồn đọng, đến tháng 9/2019 đã hoàn thành nghiệm thu chính thức dự án NH<sub>3</sub>, đồng thời các khó khăn chính của dự án NPK cũng đã được tháo gỡ để sang năm 2020 xử lý dứt điểm, hoàn thành nghiệm thu toàn bộ nhà máy NPK.

## **II. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:**

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2019, HĐQT với 06 thành viên đương nhiệm (02 thành viên độc lập) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

### **2. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị:**

**Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách từng mảng hoạt động như sau:**

#### **2.1. Ông Nguyễn Tiến Vinh - Chủ tịch HĐQT**

##### ***Phụ trách các mảng công việc:***

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các vấn đề quan hệ với cổ đông lớn, công ty mẹ của Tổng công ty, các cơ quan quản lý nhà nước.

- Công tác tổ chức - nhân sự.
- Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán.
- Công tác rà soát, sửa đổi và xây dựng chiến lược, công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp.
- Công tác giám sát, chỉ đạo các dự án đầu tư phát triển của Tổng công ty
- Công tác ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định, chính sách chung của Tổng công ty.
- Chỉ đạo người đại diện phần vốn tại các công ty con trực thuộc.
- Công tác giám sát, chỉ đạo mảng nghiên cứu phát triển và khoa học công nghệ.
- Đảm nhận vai trò Giám đốc Quỹ phát triển KHCN, Trưởng các ban chỉ đạo quan trọng.
- Thay mặt HĐQT tham gia trong các hội đồng của Tổng công ty: Hội đồng Thi đua – khen thưởng, Hội đồng lương,...
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

***Trực tiếp giám sát và chỉ đạo hoạt động của:***

- Công ty mẹ - TCT;
- Văn phòng HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ;
- Chi nhánh TCT – Nhà máy Đạm Phú Mỹ;
- Chi nhánh Ban QLDA.

**2.2. Ông Lê Cự Tân – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc**

***Phụ trách các mảng công việc:***

- Thực hiện nhiệm vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Thành viên HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và Luật DN.

**2.3. Ông Nguyễn Hồng Vinh - Thành viên HĐQT chuyên trách**

***Phụ trách các mảng công việc:***

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo mảng hoạt động kinh doanh, tiếp thị, bán hàng của Tổng công ty. Tham dự để giám sát, chỉ đạo tại các cuộc họp của Tổng công ty về hoạt động kinh doanh, các cuộc họp hội đồng giá.

- Cùng với Chủ tịch HĐQT theo dõi, giám sát công tác ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định, chính sách chung của Tổng công ty; mảng nghiên cứu phát triển và khoa học công nghệ; tham gia Hội đồng khoa học công nghệ TCT.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

***Trực tiếp giám sát và chỉ đạo hoạt động của:***

- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc;
- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam bộ;

**2.4. Ông Dương Trí Hội – Thành viên HĐQT chuyên trách**

***Phụ trách các mảng công việc:***

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác kế hoạch;
- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng, kinh doanh cơ sở vật chất của Tổng công ty (trừ các nhà máy sản xuất);

- Cùng với Chủ tịch HĐQT theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác hoàn thiện quy định, quy chế, chính sách; Cùng với thành viên HĐQT theo dõi, giám sát, chỉ đạo hoạt động kinh doanh, tiếp thị, bán hàng;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

***Trực tiếp giám sát và chỉ đạo hoạt động của:***

- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ;
- Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất.

**2.5. Ông Louis T Nguyen - Thành viên HĐQT độc lập**

***Phụ trách các mảng công việc:***

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo mảng hợp tác đầu tư tài chính, thu hút đầu tư, mua bán sáp nhập... của Tổng công ty liên quan đến các đối tác và nhà đầu tư nước ngoài.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

**2.6. Ông Lê Minh Hồng – Thành viên HĐQT độc lập**

***Phụ trách các mảng công việc:***

- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác xây dựng các đề án/chính sách lương, thưởng, đãi ngộ, công tác đào tạo, đánh giá hiệu quả người lao động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

**Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:**

| Stt | Thành viên HĐQT/     | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp/ | Lý do không tham dự đủ các cuộc họp |
|-----|----------------------|---------|-------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-------------------------------------|
| 1.  | Ông Nguyễn Tiến Vinh | CT HĐQT | 10/1/2019                                 | 5/5                      | 100%               |                                     |
| 2.  | Ông Lê Cự Tân        | TV HĐQT | 26/4/2018                                 | 5/5                      | 100%               |                                     |
| 3.  | Ông Nguyễn Hồng Vinh | TV HĐQT | 26/4/2018                                 | 5/5                      | 100%               |                                     |
| 4.  | Ông Louis T Nguyen   | TV HĐQT | 28/4/2016                                 | 4/5                      | 80%                | Đi công tác                         |
| 5.  | Ông Lê Minh Hồng     | TV HĐQT | 10/1/2019                                 | 5/5                      | 100%               |                                     |
| 6.  | Ông Dương Trí Hội    | TVHĐQT  | 17/4/2019                                 | 4/5                      | 80%                | Tham gia HĐQT từ ngày 17/4/2019     |

Ngoài ra, từng thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia vào việc thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua **94** lần lấy ý kiến bằng văn bản.

**3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức quản trị công ty của các thành viên Hội đồng quản trị**

- Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về quản trị công ty tại thời điểm được bầu/bổ nhiệm.
- Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.

**4. Chi phí hoạt động, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT trong năm 2019**

**\* Về chi phí hoạt động:**

Các thành viên HĐQT chuyên trách và thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc làm việc chuyên trách, thường xuyên tại Tổng công ty sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các Quy chế của Tổng công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí, Chính sách nhân viên... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

**\* Về chính sách tiền lương, thù lao và tiền thưởng, phúc lợi khác:**

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

**Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2019 của các Thành viên HĐQT:**

**DVT: Triệu đồng**

| TT        | Họ & tên                 | Chức danh       | Tiền lương<br>+ Thù lao | Tiền thưởng<br>và PL từ quỹ<br>KT-PL | Tổng<br>cộng |
|-----------|--------------------------|-----------------|-------------------------|--------------------------------------|--------------|
| <b>I.</b> | <b>Hội đồng quản trị</b> |                 | <b>4.529</b>            | <b>516</b>                           | <b>5.045</b> |
| 1         | Nguyễn Tiến Vinh         | Chủ tịch HĐQT   | 1.107                   | 138                                  | 1.246        |
| 2         | Lê Cự Tân                | TVHĐQT kiêm TGD | 1.096                   | 137                                  | 1.233        |
| 3         | Dương Trí Hội            | TVHĐQT          | 961                     | 120                                  | 1.081        |
| 4         | Nguyễn Hồng Vinh         | TVHĐQT          | 961                     | 120                                  | 1.081        |
| 5         | Louis T Nguyễn           | TVHĐQT độc lập  | 202                     | -                                    | 202          |
| 6         | Lê Minh Hồng             | TVHĐQT độc lập  | 202                     | -                                    | 202          |

**5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

**III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trong năm 2019, HĐQT họp 5 phiên họp và 94 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 78 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

- **Kế hoạch, chiến lược :**
  - + Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019;
  - + Chỉ đạo triển khai xây dựng đề cương rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Tổng công ty;
  - + Chỉ đạo hoàn thiện xây dựng Chiến lược nghiên cứu phát triển giai đoạn 2019-2028.
- **Về tổ chức – nhân sự:**
  - + Kiện toàn các chức danh lãnh đạo cao cấp (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc);
  - + Tiếp tục chỉ đạo rà soát, hoàn thiện công tác tái sắp xếp cơ cấu bộ máy quản trị điều hành công ty mẹ & các công ty con;
  - + Phê duyệt định biên lao động.
- **Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ:** Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán

nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 2 hệ thống ERP; Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình.

- **Đầu tư, triển khai các dự án:** Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành giai đoạn kết thúc của dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH<sub>3</sub> Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học. Phê duyệt quyết toán chi phí bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2017.
- **Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế:** Quy chế quản lý và sử dụng tài sản trang thiết bị tại Văn phòng Tổng công ty, Quy chế về chế độ công tác phí trong nước, phương tiện đi lại và chi phí hành chính khác; trình ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi bổ sung một số điều của Điều lệ Tổng công ty.
- **Công tác tái cơ cấu:** Thành lập Ban chỉ đạo để triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể Tổng công ty và các đơn vị thành viên;
- **Quan hệ cổ đông:** Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 10/01/2019 và phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2019. Tổ chức gần 30 cuộc tiếp xúc riêng lẻ và theo nhóm với hơn 100 đại diện các quỹ đầu tư trong và ngoài nước là các cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư tiềm năng theo yêu cầu; Tham dự 02 sự kiện/hội thảo tiếp xúc nhà đầu tư, cổ đông chủ chốt và tiềm năng tại các trung tâm tài chính quốc tế (Mỹ, Anh); duy trì hiệu quả kênh tiếp nhận và phản hồi thông tin với các đầu mối phân tích của các tổ chức môi giới định kỳ và theo yêu cầu nhằm công bố thông tin minh bạch, kịp thời ra thị trường theo quy định; Phát hành 2 kỳ bản tin Nhà đầu tư vào quý 3 và quý 4, phát hành Báo cáo thường niên vào quý 2; Thực hiện các chương trình hợp tác với các tổ chức môi giới, các cơ quan truyền thông đầu tư tài chính nhằm chuyển tải và phản hồi kịp thời, minh bạch các thông tin về PVFCCo ra thị trường; duy trì kết nối hợp tác với các cổ đông chủ chốt và các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước...
- **Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:** Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

#### **IV. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT:**

##### **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T Nguyễn và Lê Minh Hồng, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy

quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị kể từ thời điểm được bầu vào Hội đồng quản trị.

### **Đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập về quản trị/điều hành của Tổng công ty trong năm 2019:**

- Trong Tổng công ty, cổ đông Nhà nước cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và trong bối cảnh nguồn khí giá rẻ suy giảm, Ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của Nhà nước có lợi nhất cho Tổng công ty về lĩnh vực này trong ngắn hạn và dài hạn. HĐQT Tổng công ty đã hoạt động tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị đối với công ty niêm yết, đảm bảo cho các thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT thực thi quyền hạn, trách nhiệm.
- Để tiến tới và tiếp cận sát với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, HĐQT cần có sự rà soát, cải tiến nội dung hoạt động theo hướng tăng cường công tác định hướng, chiến lược và giám sát, xây dựng cơ chế phân cấp mạnh mẽ và phù hợp để giảm bớt sự tham gia vào các hoạt động mang tính chất điều hành.
- Về một số ý kiến đánh giá khác của cổ đông trong kết quả hoạt động của Tổng công ty, pháp luật cho nhà đầu tư cơ chế để giám sát, thông qua chế độ báo cáo, công tác kiểm toán độc lập, hoặc một số công tác thanh tra, kiểm toán nhà nước khác. Các cổ đông có cơ sở để tin tưởng vào các tài liệu báo cáo đã qua tiến trình đó (kiểm toán Big 4, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước...).
- Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong công ty, trong năm 2019 tiếp tục chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước. Và việc cải tiến liên tục để hiệu quả là điều mong muốn đương nhiên của tất cả các cổ đông.
- Thành viên độc lập phụ trách về mảng chế độ, chính sách, đã tích cực tham gia công tác xây dựng, chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch định biên lao động, tiền lương và chế độ đãi ngộ. Tổng công ty đảm bảo duy trì chế độ lương, thưởng phù hợp với quy định đối với công ty cổ phần có vốn chi phối của nhà nước và đồng thời phù hợp với thị trường lao động.

### **V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001: 2004; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, đề án cải cách chính sách tiền lương và đánh giá nhân viên được triển khai góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc kinh doanh các mặt hàng tự doanh: NPK, Kali, các mặt hàng hóa chất và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Vinh**

## **Phần 3 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

### **I. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2020:**

Năm 2020 diễn ra trong bối cảnh các yếu tố về thị trường phân bón, giá khí tiếp tục có những khó khăn như đã diễn ra trong năm 2019. Đặc biệt, về nguồn cung khí thiên nhiên đã chuyển sang thời kỳ khó khăn, các nguồn khí giá rẻ sụt giảm sản lượng. Tuy nhiên, với nỗ lực hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm, Tổng công ty kỳ vọng cụm dự án mới NH3-NPK sẽ vận hành thương mại ổn định và đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận trong giai đoạn tới.

Trước những khó khăn thách thức đó, với sự ủng hộ, hỗ trợ của cổ đông Nhà nước, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020, với kế hoạch, định hướng sau:

1. Triển khai các nhiệm vụ SXKD đảm bảo: An toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Tìm kiếm nguồn khí ổn định (sản lượng, giá bán) dài hạn cho sản xuất đạm, đảm bảo hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.
3. Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành sản phẩm để nâng cao hiệu quả hoạt động từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Trong đó, tập trung công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý; huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả.
4. Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ để không phát sinh nợ xấu mới, có biện pháp xử lý để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
5. Xây dựng phương án cơ cấu vốn chủ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của PVFCCo đồng thời đảm bảo bảo toàn phần vốn góp của PVN tại PVFCCo theo đúng quy định hiện hành.
6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, quản lý, thu hồi công nợ và trích lập dự phòng theo đúng quy định.
7. Tiếp tục nỗ lực có giải pháp, tăng cường công tác bán hàng, tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm NPK và NH3.
8. Thực hiện rà soát, đánh giá phân loại và xử lý các tài sản không tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, không mang lại doanh thu cho PVFCCo nhằm nâng cao chất lượng tài sản cho đơn vị; xây dựng phương án tái cơ cấu Vốn chủ sở hữu (Quỹ ĐTPT ...) phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD đồng thời bảo toàn phần vốn góp của PVN tại PVFCCo theo đúng quy định hiện hành.
9. Vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ, xưởng sản xuất NPK và xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde đảm bảo an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm, thực hiện thành công đợt bảo dưỡng tổng thể NM ĐPM.
10. Tiếp tục thực hiện việc mua sắm vật tư dự phòng 02 năm vận hành và dự phòng vật tư thiết bị chính của phần Nâng công suất xưởng NH3 của nhà máy đạm Phú Mỹ và vật tư dự phòng 2 năm của nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học thuộc Tổ hợp Dự án đầu tư Nâng công suất phân xưởng NH3 và nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học đảm bảo tối ưu chi phí vật tư tồn kho và an toàn cho Nhà máy.
11. Tiếp tục củng cố thương hiệu Đạm Phú Mỹ trong nước và ngoài nước; kinh doanh đảm bảo hiệu quả, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với các nhà đầu tư và lợi ích kinh tế xã hội.
12. Phát triển thị trường kinh doanh sản phẩm NPK Phú Mỹ, tăng cường công tác tiếp thị và truyền thông để định hình thương hiệu NPK Phú Mỹ cả về mẫu mã và chất lượng.

13. Xây dựng hệ thống phân phối phân bón bền vững trong nước và tìm kiếm mở rộng thị trường nước ngoài.
14. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa các sản phẩm phân bón và hóa chất.
15. Tập trung hoàn thành quyết toán dự án nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> nhà máy đạm Phú Mỹ và dự án nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học bảo đảm đúng quy định; triển khai các dự án Đầu tư xây dựng trong kế hoạch đảm bảo tiến độ, chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả kinh tế.
16. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình hiện có tại TCT cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của Pháp luật.
17. Rà soát lại các bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại NM ĐPM, xây dựng định mức cho Nhà máy NPK và tích hợp lại với các bộ định mức hiện có của NM ĐPM để có bộ định mức dùng chung cho các Nhà máy của TCT.
18. Rà soát, cập nhật lại chính sách kinh doanh của TCT trên cơ sở thị trường; Các công ty vùng miền tăng cường tính tự chủ trong hoạt động.
19. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng môi trường cạnh tranh.
20. Thực hiện các chương trình phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, ưu tiên dùng hàng Việt nam,...
21. Thực hiện công tác cơ cấu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tập đoàn.
22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do ĐHĐCĐ giao.

## II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Căn cứ tình hình thực tế của hoạt động SXKD năm 2020, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2020, với nội dung như sau:

### 1. Chỉ tiêu hợp nhất:

#### a. Chỉ tiêu sản lượng

| STT | Chỉ tiêu                                | Đơn vị tính | Kế hoạch 2020 |
|-----|-----------------------------------------|-------------|---------------|
| 1   | Sản lượng sản xuất                      |             |               |
| 1.1 | Đạm Phú Mỹ                              | Tấn         | 785.000       |
| 1.2 | NPK Phú Mỹ                              | Tấn         | 180.000       |
| 1.3 | UFC 85/Fomaldehyde                      | Tấn         | 13.000        |
| 1.4 | NH <sub>3</sub> sản xuất bán thương mại | Tấn         | 57.750        |
| 2   | Sản lượng kinh doanh                    |             |               |
| 2.1 | Đạm Phú Mỹ                              | Tấn         | 780.000       |
| 2.2 | NPK Phú Mỹ                              | Tấn         | 180.000       |
| 2.3 | UFC 85/Fomaldehyde                      | Tấn         | 9.000         |
| 2.4 | NH <sub>3</sub>                         | Tấn         | 55.000        |
| 2.5 | Phân bón khác                           | Tấn         | 189.000       |
| 2.6 | CO <sub>2</sub>                         | Tấn         | 50.000        |
| 2.7 | Hóa chất khác                           | Tấn         | 800           |

#### b. Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

| STT | Chỉ tiêu       | Đơn vị tính | Kế hoạch 2020 |
|-----|----------------|-------------|---------------|
| 1   | Tổng doanh thu | Tỷ đồng     | 9.237         |
| 2   | Tổng chi phí   | Tỷ đồng     | 8.724         |

| STT | Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Kế hoạch 2020 |
|-----|----------------------|-------------|---------------|
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | 513           |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng     | 433           |
| 5   | Nộp NSNN             | Tỷ đồng     | 159           |

## 2. Kế hoạch Công ty mẹ:

### a. Kế hoạch Tài chính

| STT | Chỉ tiêu                               | ĐVT     | Kế hoạch 2020 |
|-----|----------------------------------------|---------|---------------|
| 1   | Vốn chủ sở hữu                         | Tỷ đồng | 7.589         |
| 2   | Tổng doanh thu                         | Tỷ đồng | 8.703         |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế                   | Tỷ đồng | 491           |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                     | Tỷ đồng | 421           |
| 5   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | %       | 10,7          |
| 6   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH     | %       | 5,5           |
| 7   | Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ          | %       | 10            |
| 8   | Nộp NSNN                               | Tỷ đồng | 142           |

### b. Kế hoạch vốn đầu tư

| STT | Chỉ tiêu                                        | ĐVT     | Kế hoạch 2020 |
|-----|-------------------------------------------------|---------|---------------|
| 1   | Tổng nhu cầu vốn đầu tư                         | Tỷ đồng | 107           |
| a   | Đầu tư XD CB và mua sắm tài sản, trang thiết bị | Tỷ đồng | 107           |
| b   | Đầu tư tài chính                                | Tỷ đồng | -             |
| 2   | Nguồn vốn đầu tư                                | Tỷ đồng | 107           |
| a   | Vốn Chủ sở hữu                                  | Tỷ đồng | 83            |
| b   | Vốn vay và khác                                 | Tỷ đồng | 24            |

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có những chỉ tiêu cần điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (nếu có) cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong lần họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trên đây là Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Vinh**

## **Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

#### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

|                      |                                                     |
|----------------------|-----------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Tiến Vinh | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)       |
| Ông Lê Cự Tân        | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)     |
|                      | Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)     |
| Bà Nguyễn Thị Hiền   | Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019) |
| Ông Đoàn Văn Nhuộm   | Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)   |
| Ông Nguyễn Hồng Vinh | Thành viên                                          |
| Ông Lê Minh Hồng     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)     |
| Ông Louis T.Nguyen   | Thành viên                                          |
| Ông Dương Trí Hội    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)      |

##### **Ban Tổng Giám đốc**

|                         |                                                         |
|-------------------------|---------------------------------------------------------|
| Ông Lê Cự Tân           | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)      |
| Ông Đoàn Văn Nhuộm      | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)    |
| Bà Trần Thị Phương Thảo | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Từ Cường            | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Cao Trung Kiên      | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019)   |
| Ông Hoàng Việt Dũng     | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2019) |
| Ông Lê Văn Quốc Việt    | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Dương Trí Hội       | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2019) |
| Bà Lê Thị Thu Hương     | Phó Tổng Giám đốc                                       |

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Lê Cự Tân**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 20 tháng 3 năm 2020*  
*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**           **Các Cổ đông**  
                          **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
                          **Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến phần cam kết bảo lãnh đối với khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") - Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

---

**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 20 tháng 3 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2018-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>5.943.854.074.804</b> | <b>5.172.046.948.960</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>2.976.952.450.033</b> | <b>1.716.919.348.616</b> |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 349.278.804.046          | 293.934.821.687          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 2.627.673.645.987        | 1.422.984.526.929        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>5</b>    | <b>1.035.000.000.000</b> | <b>955.000.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |             | 1.035.000.000.000        | 955.000.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>289.371.734.319</b>   | <b>520.579.213.356</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 239.163.840.466          | 422.514.452.443          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 37.348.595.546           | 78.790.739.261           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 250.709.558.469          | 252.514.839.051          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 9           | (238.285.341.239)        | (233.576.422.659)        |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                   | 139        |             | 435.081.077              | 335.605.260              |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>1.350.638.678.171</b> | <b>1.662.663.084.855</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 1.370.295.612.901        | 1.665.129.426.404        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (19.656.934.730)         | (2.466.341.549)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>291.891.212.281</b>   | <b>316.885.302.133</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 11          | 29.727.375.587           | 53.472.993.772           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 257.326.042.539          | 258.031.179.931          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 19          | 4.837.794.155            | 5.381.128.430            |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>5.496.454.188.790</b>  | <b>5.962.209.859.178</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>658.396.000</b>        | <b>858.374.000</b>        |
| 1. Phải thu dài hạn khác                       | 216        | 8           | 658.396.000               | 858.374.000               |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>4.790.657.948.234</b>  | <b>5.313.224.552.963</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | 12          | 3.932.312.724.389         | 4.453.310.092.927         |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 11.629.420.833.126        | 11.653.882.170.846        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (7.697.108.108.737)       | (7.200.572.077.919)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | 13          | 858.345.223.845           | 859.914.460.036           |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 1.152.277.537.593         | 1.139.091.383.947         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (293.932.313.748)         | (279.176.923.911)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> | <b>14</b>   | <b>239.820.697.731</b>    | <b>250.383.262.298</b>    |
| - Nguyên giá                                   | 231        |             | 334.556.867.544           | 334.556.867.544           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | (94.736.169.813)          | (84.173.605.246)          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> |             | <b>145.846.801.849</b>    | <b>136.578.490.420</b>    |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        | 15          | 145.846.801.849           | 136.578.490.420           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> | <b>5</b>    | <b>45.369.527.464</b>     | <b>46.652.969.218</b>     |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết     | 252        |             | 26.973.857.965            | 28.388.260.482            |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 253        |             | 20.502.000.000            | 20.502.000.000            |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           | 254        |             | (2.106.330.501)           | (2.237.291.264)           |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>274.100.817.512</b>    | <b>214.512.210.279</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | 11          | 30.935.743.889            | 23.270.193.135            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 262        | 16          | 81.381.867.070            | 69.142.811.382            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        | 10          | 148.991.115.516           | 109.307.114.725           |
| 4. Tài sản dài hạn khác                        | 268        |             | 12.792.091.037            | 12.792.091.037            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>     | <b>270</b> |             | <b>11.440.308.263.594</b> | <b>11.134.256.808.138</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|---------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                         | <b>300</b> |             | <b>3.278.872.819.011</b>  | <b>2.879.246.949.841</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                         | <b>310</b> |             | <b>2.060.713.280.767</b>  | <b>1.513.850.189.531</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 17          | 478.565.168.169           | 415.701.704.589           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        | 18          | 80.837.106.240            | 68.643.918.032            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 19          | 66.288.625.026            | 23.253.103.532            |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 137.134.034.081           | 113.798.450.304           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 20          | 678.292.053.057           | 580.230.502.931           |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                          | 318        |             | 18.181.819                | 118.761.819               |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 21          | 80.115.659.533            | 54.325.536.302            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | 23          | 177.270.899.255           | 201.978.485.702           |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn                                 | 321        | 22          | 312.648.007.246           | -                         |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                 | 322        |             | 49.543.546.341            | 55.799.726.320            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                                         | <b>330</b> |             | <b>1.218.159.538.244</b>  | <b>1.365.396.760.310</b>  |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                           | 336        |             | -                         | 167.880.274               |
| 2. Phải trả dài hạn khác                                      | 337        | 21          | 960.870.000               | 960.870.000               |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                           | 338        | 23          | 1.063.625.393.987         | 1.031.870.914.209         |
| 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                            | 341        | 16          | 132.540.000.000           | 132.540.000.000           |
| 5. Dự phòng phải trả dài hạn                                  | 342        | 22          | -                         | 167.190.364.916           |
| 6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                       | 343        |             | 21.033.274.257            | 32.666.730.911            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>8.161.435.444.583</b>  | <b>8.255.009.858.297</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>24</b>   | <b>8.161.435.444.583</b>  | <b>8.255.009.858.297</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 3.914.000.000.000         | 3.914.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 3.914.000.000.000         | 3.914.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 21.179.913.858            | 21.179.913.858            |
| 3. Cổ phiếu quỹ                                               | 415        |             | (2.296.824.120)           | (2.296.824.120)           |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 3.497.039.984.859         | 3.497.039.984.859         |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 566.144.654.027           | 657.268.539.966           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 228.248.570.458           | 50.282.517.164            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 337.896.083.569           | 606.986.022.802           |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                            | 429        |             | 165.367.715.959           | 167.818.243.734           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>11.440.308.263.594</b> | <b>11.134.256.808.138</b> |

**Trần Xuân Thảo**  
Người lập biểu

**Võ Ngọc Phương**  
Kế toán trưởng

**Lê Cự Tân**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                      | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                              | <b>01</b> |             | <b>7.757.075.543.739</b> | <b>9.395.359.665.641</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                               | 02        |             | 73.534.335.681           | 98.248.115.232           |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>          | <b>10</b> | <b>27</b>   | <b>7.683.541.208.058</b> | <b>9.297.111.550.409</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ                                       | 11        | 27          | 6.281.448.254.606        | 7.397.640.258.893        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>            | <b>20</b> |             | <b>1.402.092.953.452</b> | <b>1.899.471.291.516</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                              | 21        | 29          | 140.013.425.496          | 123.658.446.036          |
| 7. Chi phí tài chính                                                          | 22        | 30          | 107.636.556.757          | 73.797.994.363           |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                   | 23        |             | 106.897.449.564          | 62.586.468.519           |
| 8. Phần lãi trong công ty liên kết                                            | 24        | 5           | 1.680.107.483            | 2.916.621.493            |
| 9. Chi phí bán hàng                                                           | 25        | 31          | 554.758.002.570          | 612.322.153.525          |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                              | 26        | 31          | 415.339.815.960          | 485.710.294.387          |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>466.052.111.144</b>   | <b>854.215.916.770</b>   |
| 12. Thu nhập khác                                                             | 31        |             | 7.480.346.769            | 17.876.027.364           |
| 13. Chi phí khác                                                              | 32        |             | 6.456.808.962            | 1.476.414.908            |
| <b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                          | <b>40</b> |             | <b>1.023.537.807</b>     | <b>16.399.612.456</b>    |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                       | <b>50</b> |             | <b>467.075.648.951</b>   | <b>870.615.529.226</b>   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                              | 51        | 32          | 90.454.832.980           | 147.299.819.968          |
| 17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                    | 52        | 16          | (12.239.055.688)         | 10.841.508.544           |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>             | <b>60</b> |             | <b>388.859.871.659</b>   | <b>712.474.200.714</b>   |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                                       | 61        |             | 377.703.325.589          | 699.593.467.601          |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                          | 62        |             | 11.156.546.070           | 12.880.733.113           |
| <b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                           | <b>70</b> | <b>33</b>   | <b>863</b>               | <b>1.455</b>             |

**Trần Xuân Thảo**  
Người lập biểu

**Võ Ngọc Phương**  
Kế toán trưởng

**Lê Cự Tân**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                       | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                              |           |                          |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                 | <b>01</b> | <b>467.075.648.951</b>   | <b>870.615.529.226</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                                            |           |                          |                          |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                                | 02        | 561.879.123.157          | 519.256.652.582          |
| Các khoản dự phòng                                                                             | 03        | 167.226.193.328          | 36.967.616.014           |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ      | 04        | (764.976.791)            | 8.093.479.053            |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư                                                                      | 05        | (137.907.172.131)        | (129.190.927.841)        |
| Chi phí lãi vay                                                                                | 06        | 106.897.449.564          | 62.586.468.519           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                        | <b>08</b> | <b>1.164.406.266.078</b> | <b>1.368.328.817.553</b> |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        | 227.366.396.790          | (284.540.032.573)        |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        | 255.149.812.712          | (433.702.859.916)        |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 283.021.492.395          | (6.824.219.476)          |
| Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12        | 16.080.067.431           | (28.881.238.829)         |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        | (54.866.114.339)         | (95.538.767)             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        | (45.844.375.272)         | (144.064.079.451)        |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17        | (86.306.205.352)         | (89.165.406.558)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                           | <b>20</b> | <b>1.759.007.340.443</b> | <b>381.055.441.983</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                 |           |                          |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                 | 21        | (117.832.821.638)        | (890.564.913.641)        |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 22        | 2.828.702.473            | 5.320.554.728            |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác                                            | 23        | (1.720.000.000.000)      | (1.695.000.000.000)      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        | 1.640.000.000.000        | 1.635.000.000.000        |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                         | 27        | 140.662.774.725          | 123.554.802.970          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                               | <b>30</b> | <b>(54.341.344.440)</b>  | <b>(821.689.555.943)</b> |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                   | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>         |           |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                      | 33        | 124.208.464.716          | 611.619.415.388          |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                     | 34        | (166.966.798.373)        | (33.370.000.000)         |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                 | 36        | (401.886.060.700)        | (782.524.593.100)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>        | <b>40</b> | <b>(444.644.394.357)</b> | <b>(204.275.177.712)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm<br/>(50=20+30+40)</b>   | <b>50</b> | <b>1.260.021.601.646</b> | <b>(644.909.291.672)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                    | <b>60</b> | <b>1.716.919.348.616</b> | <b>2.361.887.855.663</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ    | 61        | 11.499.771               | (59.215.375)             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm<br/>(70=50+60+61)</b> | <b>70</b> | <b>2.976.952.450.033</b> | <b>1.716.919.348.616</b> |

Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

(Phản thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website [www.dpm.vn](http://www.dpm.vn) )

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

|                      |                                                     |
|----------------------|-----------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Tiến Vinh | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)       |
| Ông Lê Cự Tân        | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)     |
|                      | Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)     |
| Ông Nguyễn Hồng Vinh | Thành viên                                          |
| Ông Lê Minh Hồng     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)     |
| Ông Louis T.Nguyen   | Thành viên                                          |
| Ông Dương Trí Hội    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)      |
| Bà Nguyễn Thị Hiền   | Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019) |
| Ông Đoàn Văn Nhuộm   | Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)   |

##### **Ban Tổng Giám đốc**

|                         |                                                         |
|-------------------------|---------------------------------------------------------|
| Ông Lê Cự Tân           | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)      |
| Ông Đoàn Văn Nhuộm      | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)    |
| Bà Trần Thị Phương Thảo | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Từ Cường            | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Lê Văn Quốc Việt    | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Bà Lê Thị Thu Hương     | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Cao Trung Kiên      | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019)   |
| Ông Hoàng Việt Dũng     | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2019) |
| Ông Dương Trí Hội       | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2019) |

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Lê Cự Tân**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 20 tháng 3 năm 2020*  
*Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến phần cam kết bảo lãnh đối với khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") - Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

---

**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 03 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2018-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>5.355.844.463.509</b> | <b>4.554.288.812.002</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>2.758.198.902.186</b> | <b>1.511.425.771.910</b> |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 244.198.902.186          | 177.425.771.910          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 2.514.000.000.000        | 1.334.000.000.000        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>5</b>    | <b>975.000.000.000</b>   | <b>825.000.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |             | 975.000.000.000          | 825.000.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>183.484.184.864</b>   | <b>535.931.051.479</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 131.829.109.353          | 470.328.245.626          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 35.653.031.943           | 49.223.730.472           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 249.143.385.150          | 249.619.892.780          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 9           | (233.576.422.659)        | (233.576.422.659)        |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                   | 139        |             | 435.081.077              | 335.605.260              |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>1.147.720.909.042</b> | <b>1.366.033.553.207</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 1.162.821.693.099        | 1.366.033.553.207        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (15.100.784.057)         | -                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>291.440.467.417</b>   | <b>315.898.435.406</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 11          | 29.276.630.723           | 53.281.725.703           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 257.326.042.539          | 258.031.179.931          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 19          | 4.837.794.155            | 4.585.529.772            |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>5.764.346.182.239</b>  | <b>6.212.774.452.581</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>555.000.000</b>        | <b>750.000.000</b>        |
| 1. Phải thu dài hạn khác                       | 216        | 8           | 555.000.000               | 750.000.000               |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>4.697.610.771.661</b>  | <b>5.212.153.782.876</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | 12          | 3.893.773.706.877         | 4.407.592.731.819         |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 11.442.458.561.333        | 11.469.498.646.708        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (7.548.684.854.456)       | (7.061.905.914.889)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | 13          | 803.837.064.784           | 804.561.051.057           |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 1.091.715.796.418         | 1.078.529.642.772         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (287.878.731.634)         | (273.968.591.715)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> | <b>14</b>   | <b>239.820.697.731</b>    | <b>250.383.262.298</b>    |
| - Nguyên giá                                   | 231        |             | 334.556.867.544           | 334.556.867.544           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | (94.736.169.813)          | (84.173.605.246)          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> |             | <b>148.059.898.207</b>    | <b>136.402.931.745</b>    |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        | 15          | 148.059.898.207           | 136.402.931.745           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> | <b>5</b>    | <b>422.848.669.499</b>    | <b>422.717.708.736</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty con                      | 251        |             | 386.250.000.000           | 386.250.000.000           |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết     | 252        |             | 680.903.000.000           | 680.903.000.000           |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 253        |             | 20.502.000.000            | 20.502.000.000            |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           | 254        |             | (664.806.330.501)         | (664.937.291.264)         |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>255.451.145.141</b>    | <b>190.366.766.926</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | 11          | 20.955.190.078            | 9.041.899.262             |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 262        | 16          | 72.712.748.510            | 59.225.661.902            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        | 10          | 148.991.115.516           | 109.307.114.725           |
| 4. Tài sản dài hạn khác                        | 268        |             | 12.792.091.037            | 12.792.091.037            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>     | <b>270</b> |             | <b>11.120.190.645.748</b> | <b>10.767.063.264.583</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|---------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                         | <b>300</b> |             | <b>3.078.698.673.843</b>  | <b>2.634.845.246.309</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                         | <b>310</b> |             | <b>1.993.079.135.599</b>  | <b>1.401.988.485.999</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 17          | 481.857.279.393           | 405.281.897.326           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        | 18          | 72.972.244.692            | 59.265.267.449            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 19          | 59.102.811.898            | 15.710.762.368            |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 116.196.881.387           | 93.713.546.028            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 20          | 667.791.126.473           | 567.463.319.811           |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                          | 318        |             | -                         | 100.580.000               |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 21          | 69.379.791.634            | 46.092.178.263            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | 23          | 177.270.899.255           | 171.978.485.702           |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn                                 | 321        | 22          | 312.648.007.246           | -                         |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                 | 322        |             | 35.860.093.621            | 42.382.449.052            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                                         | <b>330</b> |             | <b>1.085.619.538.244</b>  | <b>1.232.856.760.310</b>  |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                           | 336        |             | -                         | 167.880.274               |
| 2. Phải trả dài hạn khác                                      | 337        | 21          | 960.870.000               | 960.870.000               |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                           | 338        | 23          | 1.063.625.393.987         | 1.031.870.914.209         |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn                                  | 342        | 22          | -                         | 167.190.364.916           |
| 5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                       | 343        |             | 21.033.274.257            | 32.666.730.911            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>8.041.491.971.905</b>  | <b>8.132.218.018.274</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>24</b>   | <b>8.041.491.971.905</b>  | <b>8.132.218.018.274</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 3.914.000.000.000         | 3.914.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 3.914.000.000.000         | 3.914.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 21.179.913.858            | 21.179.913.858            |
| 3. Cổ phiếu quỹ                                               | 415        |             | (2.296.824.120)           | (2.296.824.120)           |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 3.444.814.857.841         | 3.444.814.857.841         |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 663.794.024.326           | 754.520.070.695           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 325.884.080.695           | 121.063.632.361           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 337.909.943.631           | 633.456.438.334           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>11.120.190.645.748</b> | <b>10.767.063.264.583</b> |

**Hoàng Thị Lan Anh**  
Người lập biểu

**Võ Ngọc Phương**  
Kế toán trưởng

**Lê Cự Tân**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                           | <b>01</b> | <b>27</b>   | <b>6.945.236.005.613</b> | <b>9.063.907.004.877</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                            | 02        | 27          | 112.464.017.049          | 213.713.864.228          |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>       | <b>10</b> |             | <b>6.832.771.988.564</b> | <b>8.850.193.140.649</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                                    | 11        | 28          | 5.679.661.967.530        | 7.193.487.154.286        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>         | <b>20</b> |             | <b>1.153.110.021.034</b> | <b>1.656.705.986.363</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                           | 21        | 30          | 166.775.066.215          | 151.312.563.153          |
| 7. Chi phí tài chính                                                       | 22        | 31          | 107.047.900.173          | 73.676.565.185           |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                | 23        |             | 106.308.792.980          | 62.465.039.341           |
| 8. Chi phí bán hàng                                                        | 25        | 32          | 436.866.130.673          | 478.223.468.443          |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                            | 26        | 32          | 340.596.999.578          | 407.460.183.846          |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>435.374.056.825</b>   | <b>848.658.332.042</b>   |
| 11. Thu nhập khác                                                          | 31        |             | 6.539.079.707            | 15.837.660.619           |
| 12. Chi phí khác                                                           | 32        |             | 6.377.609.445            | 1.344.560.318            |
| <b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                       | <b>40</b> |             | <b>161.470.262</b>       | <b>14.493.100.301</b>    |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                    | <b>50</b> |             | <b>435.535.527.087</b>   | <b>863.151.432.343</b>   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                           | 51        | 33          | 78.592.670.064           | 132.953.824.668          |
| 16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                 | 52        | 16          | (13.487.086.608)         | 14.992.734.096           |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>          | <b>60</b> |             | <b>370.429.943.631</b>   | <b>715.204.873.579</b>   |

**Hoàng Thị Lan Anh**  
Người lập biểu

**Võ Ngọc Phương**  
Kế toán trưởng

**Lê Cự Tân**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                       | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                              |           |                          |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                 | <b>01</b> | <b>435.535.527.087</b>   | <b>863.151.432.343</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                                            |           |                          |                          |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                                | 02        | 549.028.815.745          | 502.685.512.656          |
| Các khoản dự phòng                                                                             | 03        | 160.427.465.624          | 34.546.827.364           |
| (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ      | 04        | (764.976.791)            | 8.152.694.428            |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư                                                                      | 05        | (162.176.922.519)        | (152.993.199.573)        |
| Chi phí lãi vay                                                                                | 06        | 106.308.792.980          | 62.465.039.341           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                        | <b>08</b> | <b>1.088.358.702.126</b> | <b>1.318.008.306.559</b> |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        | 350.450.877.151          | (353.810.332.836)        |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        | 163.527.859.317          | (307.112.377.514)        |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 308.483.782.180          | 68.439.005.204           |
| Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12        | 12.091.804.164           | (33.830.057.872)         |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        | (54.345.835.248)         | -                        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        | (34.430.166.949)         | (129.868.403.160)        |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17        | (86.038.974.714)         | (72.812.437.306)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                           | <b>20</b> | <b>1.748.098.048.027</b> | <b>489.013.703.075</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                 |           |                          |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                 | 21        | (115.191.775.671)        | (885.072.536.312)        |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 22        | 2.026.489.853            | 3.483.763.636            |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác                                            | 23        | (1.640.000.000.000)      | (1.440.000.000.000)      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        | 1.490.000.000.000        | 1.450.000.000.000        |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                         | 27        | 166.180.597.253          | 152.749.923.397          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                               | <b>30</b> | <b>(96.984.688.565)</b>  | <b>(718.838.849.279)</b> |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                         | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>               |           |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                            | 33        | 77.628.239.716           | 548.190.200.013          |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                           | 34        | (90.386.573.373)         | -                        |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                       | 36        | (391.593.395.300)        | (782.524.593.100)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>              | <b>40</b> | <b>(404.351.728.957)</b> | <b>(234.334.393.087)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>             | <b>50</b> | <b>1.246.761.630.505</b> | <b>(464.159.539.291)</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                | <b>60</b> | <b>1.511.425.771.910</b> | <b>1.975.644.526.576</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ          | 61        | 11.499.771               | (59.215.375)             |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b> | <b>70</b> | <b>2.758.198.902.186</b> | <b>1.511.425.771.910</b> |

Hoàng Thị Lan Anh  
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

(Phần thuyết minh BCTC, xin vui lòng xem toàn văn BCTC đã được công bố tại website [www.dpm.vn](http://www.dpm.vn) )

## Phần 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí -CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

#### I. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện 2019:

\* ĐHĐCĐ đã chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận 2019 của Tổng công ty tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 ngày 17/04/2019, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến: 10%/mệnh giá cổ phiếu, từ nguồn lợi nhuận thực hiện 2019 và nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2018 chuyển sang.
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 20% LNST tương đương 32,52 tỷ đồng (không quá 3 tháng lương).
- Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2019 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 vào kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2020 cho phù hợp.

\* Với kết quả SXKD năm 2019 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, Hội đồng quản trị TCT đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận 2019 cụ thể như sau:

| Stt | Chỉ tiêu                                             | Công thức tính                                                | Số tiền (VND)   |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang |                                                               | 325.884.080.695 |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế 2019                              |                                                               | 370.429.943.631 |
| 3   | Trích lập các quỹ từ LNST 2019                       | (3=3.1+3.2)                                                   | 75.431.588.726  |
| 3.1 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                       | Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 | 33.945.600.000  |
|     | Trong đó: - Quỹ KTPL người lao động                  |                                                               | 32.520.000.000  |
|     | - Quỹ KT của người quản lý                           |                                                               | 1.425.600.000   |
| 3.2 | Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động                |                                                               | 41.485.988.726  |
| 4   | Lợi nhuận còn lại năm 2019 sau khi trích lập các quỹ | (4=1+2-3)                                                     | 620.882.435.600 |
| 5   | Chia cổ tức                                          |                                                               | 469.601.112.000 |
|     | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)                    | 12%/mệnh giá                                                  | 1.200           |
| 6   | Lợi nhuận chuyển sang năm 2020                       | (6=4-5)                                                       | 151.281.323.600 |

Tổng công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2019 cho cổ đông với mức 500 đồng/cổ phiếu. Đại hội đồng cổ đông giao cho Tổng giám đốc thực hiện chi trả phần cổ tức năm 2019 còn lại theo phương án phê duyệt như trên cho cổ đông theo quy định.

## II. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

| Stt | Chỉ tiêu                                             | Công thức tính                                                | Số tiền (VNĐ)                    |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế 2019 chuyển sang                  |                                                               | 151.281.323.600                  |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo KH được chấp thuận  |                                                               | 421.000.000.000                  |
| 3   | Trích lập các quỹ từ LNST 2020                       | (3=3.1+3.2)                                                   | 85.794.375.000                   |
| 3.1 | Trích quỹ KT-PL người lao động                       | Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 | 84.250.000.000                   |
| 3.2 | Trích quỹ KT người quản lý                           |                                                               | 1.544.375.000                    |
| 3.3 | Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động                |                                                               | 20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch |
| 4   | Lợi nhuận còn lại năm 2020 sau khi trích lập các quỹ | (4=2-3)                                                       | 335.205.625.000                  |
| 5   | Tổng lợi nhuận để lại đến năm 2020                   | (5=1+4)                                                       | 486.486.948.600                  |
| 6   | Chia cổ tức                                          |                                                               | 391.334.260.000                  |
|     | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)                    |                                                               | 1.000                            |
| 7   | Lợi nhuận chuyển sang năm 2021                       | (7=5-6)                                                       | 95.152.688.600                   |

Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2020 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 cho phù hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Vinh**

## **Phần 6 - BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN**

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019, Kế hoạch hoạt động năm 2020 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của PVFCCo năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ điều lệ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP.

Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019, Kế hoạch hoạt động năm 2020;
2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2020.

(Cụ thể theo nội dung Báo cáo đính kèm)

Trân trọng.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Huỳnh Kim Nhân**

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

### **I. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:**

#### **1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Căn cứ Kế hoạch hoạt động năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát Tổng công ty đã triển khai thực hiện hoàn thành công tác Kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham gia đầy đủ cuộc họp của Tổng công ty, ban hành các Quyết định, kiến nghị liên quan đến hoạt động sản xuất của đơn vị.

- Các phiên họp của Ban kiểm soát năm 2019:

Năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp để phân công nhiệm vụ các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban Kiểm soát, chi tiết như sau:

| <b>Phiên họp</b>      | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                  | <b>Kết quả cuộc họp</b>           |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Phiên 1<br>28/3/2019  | - Các hoạt động kiểm tra giám sát quý 1/2019;<br>- Thống nhất nội dung trong báo cáo hoạt động của BKS TCT năm 2018 trình ĐHĐCĐ năm 2019;<br>- Thông qua đề xuất đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2019. | Các thành viên BKS thông qua 100% |
| Phiên 2<br>27/6/2019  | - Giám sát kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2019;<br>- Công tác chuẩn bị soát xét, kiểm toán BCTC năm 2019;<br>- Kế hoạch hoạt động quý 3/2019.                                            | Các thành viên BKS thông qua 100% |
| Phiên 3<br>27/9/2019  | - Giám sát kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2019;<br>- Giám sát xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 của TCT;                                                                                   | Các thành viên BKS thông qua 100% |
| Phiên 4<br>26/12/2019 | - Tổng kết công tác kiểm tra giám sát hoạt động SXKD năm 2019 của các TV BKS TCT;<br>- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019;<br>- Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát TCT.             | Các thành viên BKS thông qua 100% |

#### **2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát được giao theo quy định của Điều lệ TCT và tuân thủ quy định của pháp luật.

#### **Ông Huỳnh Kim Nhân – Trưởng Ban kiểm soát TCT.**

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát, ký ban hành các văn bản, quyết định của Ban Kiểm soát;
- Phê duyệt Kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát, phê duyệt kế hoạch các đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát;
- Giám sát các quy định chung, chính sách, chiến lược của Tổng Công ty;
- Giám công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp tại Tổng Công ty;

- Giám sát các hoạt động SXKD của Công ty mẹ và các Công ty con;
- Chỉ đạo các hoạt động kiểm soát thường xuyên của Ban Kiểm soát. Tham dự các cuộc họp triển khai hoạt động SXKD của TCT, các phiên họp HĐQT, chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại TCT;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

#### **Ông Lê Vinh Văn – Thành viên Ban kiểm soát**

- Giám sát hiệu quả các dự án đầu tư, công tác thực hiện XDCCB và mua sắm;
- Giám sát công tác quản lý/sử dụng vốn, bảo toàn phát triển vốn; công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm;
- Giám sát công tác kiểm kê và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật;
- Giám sát hoạt động SXKD công ty mẹ - các công ty con thông qua hệ thống báo cáo, NĐD của TCT là thành viên Ban Kiểm soát tại các công ty thành viên;
- Tham dự các cuộc họp HĐQT - BTGD
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

#### **Ông Lương Phương – Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm**

- Giám sát công tác lập và thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của TCT, thẩm định đánh giá xếp loại doanh nghiệp;
- Giám sát công tác NCPT và sử dụng quỹ KHCN;
- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương công ty mẹ - công ty con, thẩm định quỹ tiền lương hàng năm;
- Giám sát hoạt động các công ty liên kết;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

### **3. Tiền lương, thưởng, thù lao và chi phí hoạt động của các Thành viên Ban Kiểm soát năm 2019:**

Tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên được xây dựng, thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và theo quyết định số 829/QĐ-DKVN và đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua như sau:

| TT | Họ & tên       | Chức danh  | Tiền lương - Thù lao | Tiền thưởng - phúc lợi | Tổng thu nhập |
|----|----------------|------------|----------------------|------------------------|---------------|
| 1  | Huỳnh Kim Nhân | Trưởng ban | 961                  | 120                    | 1.081         |
| 2  | Lê Vinh Văn    | Thành viên | 790                  | 99                     | 889           |
| 4  | Lương Phương   | Thành viên | 166                  |                        | 166           |
|    | Tổng cộng      |            | 1.917                | 219                    | 2.136         |

Chi phí hoạt động của BKS và của từng thành viên là 372,04 triệu đồng, bao gồm: Chi phí VPP, CCDC, trang thiết bị 51,83 triệu đồng; Cước đt, internet 22,08 triệu đồng; Công tác phí 226,95 triệu đồng và chi phí tiếp khách, hội họp 71,18 triệu đồng. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo qui định.

## **II. Kết quả giám sát hoạt động SXKD và tài chính của Tổng công ty:**

### **1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019:**

Trong năm 2019, Tổng Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, cụ thể như sau:

❖ Sản lượng sản xuất:

- Urê PM: 707.892 tấn - đạt 106% KH năm, giảm 13% so với năm 2018.
- UFC85: 11.766 tấn - đạt 109% KH năm, tăng 6% so với năm 2018.
- NPK PM: 84.499 tấn - đạt 56% KH năm, tăng 45% so với năm 2018.
- NH3 (sx để bán thương mại): 61.453 tấn - đạt 134% KH năm, tăng 9% so với năm 2018..

❖ Sản lượng kinh doanh:

- Urê PM: 691.173 tấn – đạt 102% KH năm, giảm 15% so với năm 2018.
- NPK PM (hàng sản xuất): 76.647 tấn – đạt 49% KH năm, tăng 122% so với năm 2018.
- Phân bón khác (NK và tự doanh): 207.891 tấn – đạt 89% KH năm, giảm 36% so với năm 2018.
- NH3: 58.827 tấn – đạt 131% KH năm, tăng 12% so với năm 2018.
- UFC85: 8.398 tấn – đạt 105% KH năm, tăng 5% so với năm 2018.
- CO2: 51.181 tấn – đạt 116% KH năm, tăng 15% so với năm 2018.
- Hóa chất khác: 1.630 tấn – đạt 116% KH năm, giảm 6% so với năm 2018..

❖ Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu hợp nhất: 7.831 tỷ đồng – đạt 91% KH năm, giảm 17% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 467 tỷ đồng- đạt 228% KH năm, giảm 46% so với năm 2018.
- Chi trả cổ tức: Tổng Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 10%, tương đương 1000 đ/CP.

## 2. Công tác triển khai các dự án đầu tư:

Trong năm 2019, TCT thực hiện 1 DA nhóm A, 1 DA nhóm C và một số hạng mục mua sắm TSCĐ/TTB. Kết quả đạt được như sau:

- Tổ hợp dự án "Nâng công suất phân xưởng NH3 của NM Đạm Phú Mỹ và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hóa học"
- + *Dự án NH3*: Đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (PAC) ngày 25/9/2019, đang làm các thủ tục thanh quyết toán với nhà thầu, dự kiến hoàn thành quyết toán trong quý II/2020
- + *Dự án NPK*: Đã bàn giao hiện trạng nhà máy để vận hành thương mại từ ngày 10/8/2018. Hiện các bên tiếp tục hoàn thiện các tồn đọng và hồ sơ để nghiệm thu chính thức dự án. Tổng công ty và Nhà thầu tiếp tục đàm phán để hoàn thành chạy thử nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải (ETP), hệ thống thu gom nước mưa để phục vụ cho nghiệm thu chính thức toàn dự án (PAC), với nỗ lực hoàn thành trong năm 2020.
- Dự án Kho chứa phân bón tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Nhà thầu đang triển khai thi công,
- Giá trị giải ngân trong ĐTXDCB & MSTTB năm 2019 đạt 116,3 tỷ đồng, tương đương 13% KH năm

## 3. Công tác thẩm định BCTC:

Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định BCTC quý/6 tháng và BCTC năm 2019 của Tổng công ty theo kế hoạch đề ra. Về cơ bản BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. BCTC đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên phê chuẩn. Qua thẩm định

BCTC Ban Kiểm soát đã có ý kiến nhận xét, kiến nghị đề HĐQT và TGD điều chỉnh số liệu cho phù hợp.

#### **4. Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:**

- Rà soát tình trạng pháp lý, đánh giá hiệu quả việc khai thác sử dụng các tài sản, kho cảng của Tổng công ty để có hướng khai thác sử dụng hiệu quả hoặc chuyển nhượng thu hồi vốn trên nguyên tắc tuân thủ chính sách pháp luật hiện hành.
- Thực hiện việc tái cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại các Ban/Văn phòng theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, xây dựng chức năng nhiệm vụ các Ban/Văn phòng phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của PVFCCo.
- Tiếp tục việc hỗ trợ các Công ty liên kết hoạt động hiệu quả để thực hiện thoái vốn.

#### **5. Về công tác quản trị, ứng khoa học công nghệ:**

- Tăng cường khai thác hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Tổng công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy trình quy chế về quản trị sản xuất, kinh doanh, quản trị tài chính và các quy chế quản trị nội bộ TCT.
- Ban hành các bộ định mức để thực hiện tốt hơn công tác quản lý chi phí, tiết giảm chi phí quản lý bán hàng, hạ giá thành sản phẩm.

### **III. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:**

Hội đồng quản trị tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để ra quyết định. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Ban điều hành đã chỉ đạo Cán bộ các Ban chức năng thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông ra các quyết định điều hành kịp thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

### **IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và các cổ đông:**

- Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát được mời họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- Năm 2019, Ban Kiểm soát không trực tiếp nhận được yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Tổng Công ty về quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

### **V. Thẩm định Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019:**

- Báo cáo tài chính của Tổng công ty đã được lập đầy đủ theo mẫu biểu quy định theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo đánh giá của Ban Kiểm soát thì Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2019 gồm: Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan.

### **VI. Kiến nghị:**

- Thực hiện rà soát, cập nhật chiến lược phát triển TCT đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 phù hợp với thực tế tình hình SXKD hiện nay của TCT trình ĐHĐCĐ chấp thuận/thông qua làm cơ sở đánh giá, triển khai.

- Đánh giá rủi ro, trách nhiệm nghĩa vụ các bên trong việc thực hiện hợp đồng EPC chậm tiến độ, phối hợp khắc phục các tồn đọng của dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học (hệ thống xử lý nước thải...), dự án Nâng công suất xưởng NH<sub>3</sub> của NMD Phú Mỹ để nghiệm thu bàn giao, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.
- Đối với việc kinh doanh các mặt hàng phân bón sản xuất, nhập khẩu: TCT cần kiểm soát chặt chẽ lượng hàng tồn kho, xử lý kịp thời hàng tồn kho chậm luân chuyển, hàng tồn kho vượt định mức quy định. Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực tài chính khách hàng, kiểm soát chặt công nợ phải thu để hạn chế rủi ro mất vốn.

## **VII. Kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát năm 2020 của Ban Kiểm soát:**

Để thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của BKS, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành đảm bảo tính minh bạch, mang lại quyền lợi hợp pháp cho Tổng công ty và các cổ đông. Năm 2020, BKS tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ TCT, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HĐQT PVN có liên quan đến hoạt động đơn vị của NĐDPV, HĐQT, TGD TCT;
- Kiểm tra/giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn CSH; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý;
- Kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư; tình hình nghiệm thu, phê duyệt quyết toán dự án tổ hợp NPK-NH<sub>3</sub>;
- Kiểm tra/giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý;
- Giám sát việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Tập đoàn Dầu khí giao và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Kiểm tra/giám sát việc thực hiện Phương án tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết đã được Tập đoàn Dầu khí phê duyệt.

## **VIII. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:**

Đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty Ernst and Young, và Công ty Pricewaterhouse&Cooper thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020.

-----

## **Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020**

### **I. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2019:**

Kế hoạch Ngân sách 2019 được ĐHCĐ thông qua: **7.234 triệu đồng** (số tạm tính, việc xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2019 sẽ được thực hiện theo quy định của Nhà nước). Kết quả thực hiện năm 2019 (thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội) như sau:

*ĐV tính: triệu đồng*

| <b>TT</b>   | <b>Họ &amp; tên</b>      | <b>Chức danh</b>          | <b>Tiền lương + Thù lao</b> | <b>Tiền thưởng và PL từ quỹ KT-PL</b> | <b>Tổng cộng</b> |
|-------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| <b>I./</b>  | <b>Hội đồng Quản trị</b> |                           | <b>4.529</b>                | <b>516</b>                            | <b>5.045</b>     |
| 1           | Nguyễn Tiến Vinh         | Chủ tịch HĐQT             | 1,107                       | 138                                   | 1,246            |
| 2           | Lê Cự Tân                | TVHĐQT kiêm TGD           | 1,096                       | 137                                   | 1,233            |
| 3           | Dương Trí Hội            | TVHĐQT                    | 961                         | 120                                   | 1,081            |
| 4           | Nguyễn Hồng Vinh         | TVHĐQT                    | 961                         | 120                                   | 1,081            |
| 5           | Louis T Nguyễn           | TVHĐQT độc lập            | 202                         | -                                     | 202              |
| 6           | Lê Minh Hồng             | TVHĐQT độc lập            | 202                         | -                                     | 202              |
| <b>II./</b> | <b>Ban Kiểm soát</b>     |                           | <b>1.917</b>                | <b>219</b>                            | <b>2.136</b>     |
| 1           | Huỳnh Kim Nhân           | Trưởng ban Kiểm soát      | 961                         | 120                                   | 1.081            |
| 2           | Lê Vinh Văn              | Thành viên Ban Kiểm soát  | 790                         | 99                                    | 889              |
| 3           | Lương Phương             | TV.BKS không chuyên trách | 166                         | -                                     | 166              |
|             | <b>Tổng cộng</b>         |                           | <b>6.447</b>                | <b>735</b>                            | <b>7.181</b>     |

### **II. Kế hoạch về tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2020:**

Năm 2020, PVFCCo tiếp tục áp dụng quản lý tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS Tổng Công ty theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-LĐTBXH. Căn cứ theo tình hình thực hiện năm 2019 và KH SXKD năm 2020, vì vậy PVFCCo xây dựng KH Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS 2020 như sau:

- Quỹ lương, thù lao, thưởng của HĐQT, BKS (tạm tính): **7.167 triệu đồng.**
- Dự phòng 10%: **717 triệu đồng.**
- Tổng Cộng: **7.884 triệu đồng.**

(ghi chú: KH tiền lương, thù lao trên chỉ là số tạm tính. Việc xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng thực hiện năm 2020 sẽ được thực hiện theo quy định của nhà nước).

Kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Vinh**

## **Phần 8 – QUY CHẾ BẦU CỬ VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nội dung Quy chế bầu cử này đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (“Tổng công ty”) thống nhất thông qua theo Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, được tổng hợp để hướng dẫn việc bầu thành viên Hội đồng quản trị (“HDQT”) tại phiên họp ĐHĐCĐ, với các quy định sau:

#### **1. Nguyên tắc bầu cử và quyền bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ**

##### **1.1. Nguyên tắc**

Việc bầu cử thành viên HDQT được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp và chứng khoán tại Việt Nam;
- Tuân thủ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

##### **1.2. Người có quyền bầu cử**

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (*theo danh sách cổ đông Tổng công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập*) có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ.

#### **2. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HDQT**

##### **2.1. Số lượng thành viên HDQT**

Số lượng thành viên HDQT được bầu tại kỳ họp: 01 thành viên.

##### **2.2. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HDQT**

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị doanh nghiệp, hiểu biết pháp luật, có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

##### **2.3. Điều kiện đề cử, tự ứng cử thành viên HDQT, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên HDQT**

###### **2.3.1. Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HDQT**

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HDQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HDQT tại điểm 2.2 quy chế này và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty liên tục trong thời gian ít nhất 6 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần của Tổng công ty liên tục trong

thời gian ít nhất 6 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đề cử.

- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

### *2.3.2. Số lượng ứng cử viên HĐQT*

Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo ít nhất bằng số thành viên HĐQT cần bầu là 01 người. Các cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử với số lượng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 01 ứng cử viên vào HĐQT.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 02 ứng cử viên vào HĐQT.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 03 ứng cử viên vào HĐQT.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 04 ứng cử viên vào HĐQT.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 05 ứng cử viên vào HĐQT.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 06 ứng cử viên vào HĐQT.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 07 ứng cử viên vào HĐQT.
- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 08 ứng cử viên vào HĐQT.

### *2.3.3. Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT*

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ 01 ứng cử viên, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên tiến hành bằng biểu quyết giơ tay.

## **3. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT**

### **4.1. Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT bao gồm:**

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT có nội dung cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT (theo mẫu đính kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm);

- Chứng từ chứng minh số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong thời gian ít nhất 6 tháng tính đến ngày chốt Danh sách cổ đông cho mục đích của cuộc họp ĐHĐCĐ (ngày 27/05/2020);
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
- Bản sao có công chứng: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, các bằng cấp trình độ chuyên môn;

### **3.2. Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT**

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Tổng công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất 07 ngày.

Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại phiên họp ĐHĐCĐ.

## **4. Phương thức bầu cử**

Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể như sau:

- Mỗi cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên dự kiến được bầu vào HĐQT;
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu cho tối đa số lượng 01 ứng cử viên HĐQT trong danh sách ứng cử viên.

## **5. Cách thức tiến hành bầu cử**

### **5.1. Phiếu bầu cử**

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một Phiếu bầu cử thành viên HĐQT (“Phiếu bầu cử”), trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số cổ đông và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu để được điều chỉnh lại.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải sử dụng phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn của Ban Tổ chức phát được đóng dấu treo của Tổng công ty.

### **5.2. Cách ghi phiếu bầu**

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền điền số “0” hoặc bỏ trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.

- Trường hợp cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu cử.

### **5.3. Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi:
  - Sử dụng phiếu bầu do Ban Tổ chức phát có đóng dấu treo của Tổng công ty; và
  - Bầu cho những ứng viên HĐQT có tên trong danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc phiếu trắng; và
  - Phiếu bầu không bị tẩy xóa, cạo sửa.
- Phiếu bầu không hợp lệ: Phiếu bầu được xem là không hợp lệ nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
  - Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
  - Phiếu bầu cử không có đóng dấu tròn của Tổng công ty;
  - Phiếu bầu cử bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
  - Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đó được quyền bầu;
  - Phiếu bầu cử bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT được bầu.

## **6. Ban kiểm phiếu, trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu**

### **6.1. Ban Kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu gồm có 3 người, do Chủ tọa ĐHĐCĐ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT.
- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:
  - Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử;
  - Phát phiếu bầu cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;
  - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
  - Tổ chức kiểm phiếu;
  - Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;
  - Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa;
- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước ĐHĐCĐ.

### **6.2. Trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban Tổ chức sẽ chuẩn bị các thùng phiếu. Ban Kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

#### **7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT**

- Số người trúng cử thành viên HĐQT là người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

**Công thức:** Tỷ lệ phiếu bầu = (Tổng số phiếu được bầu cho ứng cử viên/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp) x 100%

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt điều kiện trúng cử có cùng số phiếu bầu như nhau, mà phải chọn số người trúng cử ít hơn thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo nguyên tắc sau: Ứng cử viên nào được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần cao hơn sẽ là ứng cử viên trúng cử.

#### **8. Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu**

- Trong trường hợp cổ đông khiếu nại hoặc yêu cầu kiểm tra lại kết quả bầu cử, Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Việc trả lời và giải quyết những khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ./.

**TỜ TRÌNH**  
**V/v: Miễn nhiệm và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị**

Kính gửi:                   Đại hội đồng cổ đông  
                                  Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như sau:

Hội đồng quản trị (HĐQT) sau kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 có 06 thành viên. Từ ngày 01/05/2020 thành viên HĐQT Nguyễn Hồng Vinh đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ và HĐQT đã thông qua quyết định đề thành viên HĐQT Nguyễn Hồng Vinh nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí theo quy định. Theo quy định của Điều lệ TCT hiện hành, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung:

**1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT:**

Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Hồng Vinh, với lý do nghỉ hưu theo quy định từ ngày 01/05/2020.

**2. Danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT:**

Để đáp ứng nhu cầu quản trị và trên cơ sở phù hợp với quy định của Điều lệ TCT, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét việc bầu bổ sung thành viên HĐQT như sau:

**2.1. Số lượng thành viên, tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử.**

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung: 01 người;
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Luật Doanh nghiệp 2014;

**2.2. Danh sách ứng cử viên.**

Tổng công ty đã đăng thông báo về việc ứng cử, đề cử ngày 01/06/2020 đến các quý cổ đông. Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ của các cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện đề cử/ứng cử tính đến thời hạn 16h00 ngày 09/06/2020 Tổng công ty đã tổng hợp danh sách ứng cử viên như sau:

- Ông **Trịnh Văn Khiêm**, hiện là Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cp Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, do cổ đông Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 59,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty đề cử;

Chiếu theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, ứng cử viên nêu trên đều đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử HĐQT. Đồng thời số lượng 01 ứng cử viên đáp ứng yêu cầu số lượng tối thiểu để bầu bổ sung 01 thành viên vào HĐQT tại kỳ họp này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên HĐQT Nguyễn Hồng Vinh và thông qua Danh sách bầu cử bổ sung thành viên HĐQT như trên, đồng thời nghiên cứu quy định về bầu cử trong Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, thông tin lý lịch của ứng cử viên và tiến hành thủ tục bầu cử.

Trân trọng.

**CHỦ TỌA**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nguyễn Tiến Vinh**

## THÔNG TIN TRÍCH NGANG LÝ LỊCH ỨNG CỬ VIÊN

**Họ và tên: Trịnh Văn Khiêm**

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 21/02/1973
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Trình độ học vấn: Đại học
5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị doanh nghiệp
6. Quá trình công tác:

| Từ tháng, năm<br>đến tháng, năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác                                                                                                    |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/1994 - 05/1996               | Chuyên viên phòng Kinh doanh, Tổ chức – Hành chính, Kế hoạch – Đầu tư, Công ty 489, Cục Quản lý Hành chính BTM- Cơ quan Bộ Quốc Phòng. |
| 06/1996- 08/2000                | Trợ lý Giám đốc, Công ty 489, Cục Quản lý Hành chính BTM- Cơ quan Bộ Quốc Phòng.                                                       |
| 09/2000- 11/2001                | Chuyên viên Phòng kinh doanh, Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Khí, Vũng Tàu                                                |
| 12/2001- 07/2006                | Chuyên viên Phòng kinh doanh, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                        |
| 08/2006 – 05/2007               | Phó Trưởng Phòng kinh doanh, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                         |
| 06/2007 – 07/2007               | Trưởng Phòng kinh doanh, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                             |
| 08/2007 – 06/2008               | Phó Tổng Giám đốc, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                                   |
| 07/2008-08/2008                 | Chuyên viên Tổ chuyển đổi Doanh Nghiệp, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần.                                   |
| 09/2008 – 03/2011               | Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                                                      |
| 04/2011 – 06/2013               | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                                                 |
| 07/2013 – 01/2016               | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                                     |
| 02/2016 - Nay                   | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ                                                      |

7. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
8. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT/BKS và các chức danh quản lý khác: Không có
9. Các lợi ích có liên quan đến công ty (nếu có) [ như nắm giữ cổ phiếu, có vay nợ với Tổng công ty, có doanh nghiệp liên quan giao dịch kinh tế với công ty....]

-----

## **Phần 9 – TỜ TRÌNH VỀ NGUYÊN TẮC QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG MUA BÁN KHÍ NĂM 2019**

### **TỜ TRÌNH VỀ NGUYÊN TẮC QUYẾT TOÁN CHI PHÍ MUA BÁN KHÍ GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 31/12/2019**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP**

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2015, mục 1.11 Điều 1 về nội dung thông qua giao dịch mua bán khí giai đoạn 2016-2019 giữa Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí -CTCP (Tổng công ty) và Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas), Hội đồng quản trị xin báo cáo và trình HĐQT về nội dung như sau:

Theo Nghị quyết chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty đã ký hợp đồng mua bán khí giai đoạn 2016 – 2019 với PV Gas, theo đó cước phí vận chuyển khí (tariff) theo lộ trình cho năm 2019 là 1,00 USD/mmBTU, nguồn khí từ mỏ Bạch Hổ – Rồng Đồi Mồi (BH-RĐM) thuộc Bể Cửu Long và sẽ áp dụng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền khi có thay đổi/bổ sung về nguồn khí. Trên thực tế, do năm 2019 nguồn khí BH-RĐM không cung cấp đủ cho 100% nhu cầu của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, PV Gas đã huy động nguồn khí còn thiếu từ các mỏ khác thuộc Bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn để kịp thời cung cấp, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất liên tục, vận hành tối đa công suất của Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Vào thời gian đó thì cước phí vận chuyển đối với phần khí từ nguồn khác chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình làm việc với phía PV Gas, Tổng công ty được biết về dự báo tình hình nguồn khí khu vực Đông Nam bộ sẽ sớm suy giảm nhanh chóng trong năm 2019 và các năm tiếp theo, đồng nghĩa nguồn khí có tariff thấp sẽ không đủ cấp cho tất cả các khách hàng tiêu thụ khí. Tổng công ty đã báo cáo, kiến nghị với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc áp dụng phương án tariff tốt nhất cho PVFCCo để đảm bảo chi phí khí nguyên liệu năm 2019 ở mức hợp lý, đảm bảo cho hiệu quả hoạt động SXKD của PVFCCo. Việc kiến nghị điều chỉnh lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thường mất nhiều thời gian và không có thời điểm điều chỉnh cụ thể. Vì vậy để đảm bảo an toàn cho kế hoạch SXKD năm 2019, Tổng công ty đã lập kế hoạch trên cơ sở sẽ có sự thay đổi tariff trong năm 2019 ở mức tương đương tariff cho khí thuộc Bể Nam Côn Sơn (1,41 USD/mmBTU) và kế hoạch SXKD năm 2019 đã được HĐQT thông qua trên cơ sở tariff này. Sau đó trên cơ sở báo cáo của PVFCCo, PVN đã báo cáo, giải trình với Bộ Công Thương & Chính phủ về phương án tariff phù hợp cho sản xuất phân bón. Ngay sau khi có văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho PVN chủ động quyết định về giá khí cho Nhà máy đạm Phú Mỹ, PVN đã ban hành nghị quyết số 427/NQ-DKVN ngày 21/01/2020 về việc phương án cấp khí giữa PV Gas và PVFCCo giai đoạn 2019 - 2020 theo nguyên tắc:

Giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019, lượng khí giao cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ trước tiên cho toàn bộ lượng khí từ mỏ BH-RĐM. Đối với lượng khí thiếu hụt, PV Gas sẽ phân bổ từ các nguồn khí khác thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn theo tỷ lệ tương ứng là 50% và 50%. Cước phí vận chuyển theo nguyên tắc “nguồn nào giá đó”, cụ thể:

- Từ nguồn khí từ mỏ BH-RĐM là 1,00 USD/mmBTU (như nội dung mà HĐQT đã trình HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2015);
- Từ nguồn khí từ các mỏ khác thuộc Bể Cửu Long là 3,1556 USD/mmBTU.
- Từ nguồn Nam Côn Sơn là (T<sub>NCS</sub>):

| Giai đoạn                    | Từ 01/01/2019 đến 31/3/2019 | Từ 01/4/2019 đến 31/12/2019 |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| T <sub>NCS</sub> (USD/mmBTU) | 1,38829                     | 1,413055                    |

Với nguyên tắc trên, tariff bình quân 2019 thực tế dự kiến là 1,418 USD/mmBTU. Đây là kịch bản phát sinh theo dự liệu của hợp đồng đã ký và chi phí vận chuyển khí tăng so với kịch bản tariff 1,00 USD/mmBTU ước khoảng 189 tỷ đồng nhưng tổng chi phí khí vẫn thấp hơn kế hoạch. Như đã trình bày ở trên, trong việc quản trị, điều hành SXKD, Tổng công ty đã dự báo và đánh giá trước được kịch bản này và xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch SXKD năm 2019 với cước phí 1,41 USD/mmBTU, nên kết quả hoạt động và lợi nhuận năm 2019 không bị ảnh hưởng.

Như vậy, thực hiện theo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2175/VPCP-KTTH ngày 02/04/2014 về chính sách giá khí cho sản xuất phân đạm, năm 2015 Tổng công ty đã trình ĐHĐCĐ thông qua giao dịch mua bán khí 4 năm 2016-2019. Trong thực tế thực hiện, nguồn khí theo chính sách nêu trên không đáp ứng đủ cho Tổng công ty trong năm 2019 và trong thời gian qua Tổng công ty đã đàm phán, đề xuất với PV Gas, cùng kiến nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ trong việc thu xếp nguồn khí có cước phí vận chuyển phù hợp với tình hình SXKD của Tổng công ty trong năm 2019 và đưa ra phương án giá khí đảm bảo hiệu quả SXKD cho Tổng công ty trong năm 2019 và 2020. Việc quyết toán hợp đồng cho giai đoạn năm 2019 là điều kiện cần thiết để 2 bên PVFCCo và PV Gas tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán khí năm 2020, đảm bảo nguồn khí cho hoạt động sản xuất bình thường, liên tục của Nhà máy đạm Phú Mỹ trong năm 2020 như kế hoạch.

Với những nội dung trình bày ở trên, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận cho Tổng công ty thực hiện các thủ tục theo quy định để thanh quyết toán giá trị mua bán khí giai đoạn 01/01/2019 đến 31/12/2019 với PV Gas theo nguyên tắc:

**“Lượng khí giao cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ trước tiên cho toàn bộ lượng khí từ mỏ Bạch Hổ - Rồng Đồi Mồi. Đối với lượng khí thiếu hụt, PV Gas sẽ phân bổ từ các nguồn khí khác thuộc bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn theo tỷ lệ tương ứng là 50% và 50%. Cước phí vận chuyển theo nguyên tắc nguồn nào giá đó.”**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Vinh**

## **Phần 10 – TỜ TRÌNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ QUYẾT ĐỊNH VIỆC MUA KHÍ**

### **TỜ TRÌNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC MUA KHÍ**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP**

Căn cứ quy định liên quan và dự kiến tình hình thực tế trong việc tìm kiếm, mua bán nguồn khí phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ, Hội đồng quản trị xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét nội dung như sau:

Dự án Nhà máy đạm Phú Mỹ của Tổng công ty được phê duyệt từ năm 2001, hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành từ ngày 21/09/2004, với vòng đời dự án là 20 năm. Đến nay qua 15 năm vận hành, việc thu xếp đảm bảo nguồn khí và cơ chế giá khí cho Nhà máy là nội dung quan trọng, được các cơ quan Nhà nước xem xét, quyết định qua các quá trình chuyển đổi doanh nghiệp và thực tế hoạt động khai thác nguồn tài nguyên khí thiên nhiên theo hướng đảm bảo duy trì hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong dài hạn.

Trước thực tế các nguồn khí cung cấp cho Tổng công ty hiện nay đang có xu hướng giảm sút sản lượng, khả năng phải tìm kiếm, huy động từ các nguồn khí bổ sung khác là viễn cảnh sẽ diễn ra từ giai đoạn năm 2020 trở đi. Với sự hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trước mắt Tổng công ty đã ký hợp đồng mua bán khí cho năm 2020 với các nội dung cơ bản như đã công bố với cổ đông.

Tuy vậy, trên quan điểm nhìn nhận vấn đề nguồn và giá khí luôn luôn là yếu tố hệ trọng, quyết định phần lớn đến giá thành và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Nhà máy đạm Phú Mỹ, Hội đồng quản trị mong muốn được chủ động tìm kiếm sự ủng hộ, hỗ trợ tiếp tục từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước để có thể đạt được sự cam kết, hỗ trợ về nguồn khí/chính sách giá khí ổn định, dài hạn hơn cho những năm sau năm 2020. Những thỏa thuận, cam kết, giao dịch về mua bán khí dài hạn nếu đạt được có khả năng vượt hạn mức giá trị theo thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Do vậy, để giúp cho Hội đồng quản trị được chủ động, kịp thời xem xét, quyết định khi làm việc với hoặc thực hiện các quyết định của cơ quan chức năng về vấn đề này, Hội đồng quản trị kiến nghị HĐQT thông qua chủ trương như sau:

**“HĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tìm kiếm và chủ động quyết định việc mua khí nguyên liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và chỉ đạo của các Cấp có thẩm quyền.”**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Vinh**

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2020

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**  
**Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 30/06/2007 và cập nhật sau lần sửa đổi bổ sung gần nhất theo Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2019 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP thông qua các nội dung tại phiên họp thường niên ngày 16/06/20120,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình đã trình bày tại cuộc họp với các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty với các chỉ tiêu:

| Stt      | Chỉ tiêu                                               | Đvt       | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ hoàn thành KH (%) |
|----------|--------------------------------------------------------|-----------|-------------------|--------------------|-------------------------|
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất</b>                              |           |                   |                    |                         |
| 1.1      | Đạm Phú Mỹ                                             | Nghìn tấn | 671,0             | 707,89             | 106%                    |
| 1.2      | UFC 85                                                 | Nghìn tấn | 10,8              | 11,77              | 109%                    |
| 1.3      | NPK                                                    | Nghìn tấn | 150,0             | 84,50              | 56%                     |
| 1.4      | NH3 (để thương mại)                                    | Nghìn tấn | 45,9              | 61,45              | 134%                    |
| <b>2</b> | <b>Sản lượng kinh doanh</b>                            |           |                   |                    |                         |
| 2.1      | Đạm Phú Mỹ                                             | Nghìn tấn | 680,0             | 691,17             | 102%                    |
| 2.2      | NPK                                                    |           | 155,0             | 76,65              | 49%                     |
| 2.3      | Phân bón tự doanh                                      | Nghìn tấn | 232,5             | 207,89             | 89%                     |
| 2.4      | UFC 85                                                 | Nghìn tấn | 8,0               | 8,40               | 105%                    |
| 2.5      | NH3 (để thương mại)                                    |           | 45,0              | 58,83              | 131%                    |
| 2.6      | CO2                                                    |           | 44,0              | 51,18              | 116%                    |
| 2.7      | Hóa chất                                               | Nghìn tấn | 1,4               | 1,63               | 116%                    |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)</b> |           |                   |                    |                         |
| 3.1      | Tổng doanh thu                                         | Tỷ đồng   | 8.645,3           | 7.831              | 91%                     |
| 3.2      | Lợi nhuận trước thuế                                   | Tỷ đồng   | 204,9             | 467,1              | 228%                    |
| 3.3      | Lợi nhuận sau thuế                                     | Tỷ đồng   | 169,6             | 388,9              | 229%                    |
| 3.4      | Nộp NSNN                                               | Tỷ đồng   | 205,7             | 127,9              | 62%                     |

| Stt      | Chỉ tiêu                               | Đvt     | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | Tỷ lệ hoàn thành KH (%) |
|----------|----------------------------------------|---------|-------------------|--------------------|-------------------------|
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ</b>   |         |                   |                    |                         |
| 4.1      | Vốn chủ sở hữu                         | Tỷ đồng | 7.560,0           | 8.041,5            | 106%                    |
| 4.2      | Trong đó: Vốn điều lệ                  | Tỷ đồng | 3.914,0           | 3.914,0            | 100%                    |
| 4.3      | Tổng doanh thu                         | Tỷ đồng | 8.400,0           | 7.006,1            | 83%                     |
| 4.4      | Lợi nhuận trước thuế                   | Tỷ đồng | 189,6             | 435,5              | 230%                    |
| 4.5      | Lợi nhuận sau thuế                     | Tỷ đồng | 162,6             | 370,4              | 228%                    |
| 5.6      | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | %       | 4,2               | 9,5                | 228%                    |
| 4.7      | Nộp NSNN                               | Tỷ đồng | 188,3             | 106,7              | 57%                     |
| 4.8      | Đầu tư                                 |         |                   |                    |                         |
| 4.8.1    | Tổng mức đầu tư                        | Tỷ đồng | 772,0             | 116,3              | 15%                     |
|          | Đầu tư XDCB                            | Tỷ đồng | 692,0             | 100,0              | 14%                     |
|          | Mua sắm trang thiết bị                 | Tỷ đồng | 80,0              | 16,3               | 20%                     |
|          | Đầu tư góp vốn                         | Tỷ đồng |                   |                    |                         |
| 4.8.2    | Nguồn vốn đầu tư                       | Tỷ đồng | 772,0             | 116,3              | 15%                     |
|          | Vốn chủ sở hữu                         | Tỷ đồng | 498,0             | 41,8               | 8%                      |
|          | Vốn vay và khác                        | Tỷ đồng | 274,1             | 74,5               | 27%                     |

1.2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu:

**a. Chỉ tiêu hợp nhất**

| STT       | Chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Kế hoạch 2020 |
|-----------|-----------------------------|-------------|---------------|
| <b>1.</b> | <b>Kế hoạch sản xuất</b>    |             |               |
| 1.1       | Đạm Phú Mỹ                  | Tấn         | 785.000       |
| 1.2       | NPK Phú Mỹ                  | Tấn         | 180.000       |
| 1.3       | UFC 85/Fomaldehyde          | Tấn         | 13.000        |
| 1.4       | NH3 sản xuất bán thương mại | Tấn         | 57.750        |
| <b>2.</b> | <b>Kế hoạch kinh doanh</b>  |             |               |
| 2.1       | Đạm Phú Mỹ                  | Tấn         | 780.000       |
| 2.2       | NPK Phú Mỹ                  | Tấn         | 180.000       |
| 2.3       | UFC 85/Fomaldehyde          | Tấn         | 9.000         |
| 2.4       | NH3                         | Tấn         | 55.000        |
| 2.5       | Phân bón khác               | Tấn         | 189.000       |
| 2.6       | CO2                         | Tấn         | 50.000        |
| 2.7       | Hóa chất khác               | Tấn         | 800           |
| <b>3.</b> | <b>Kế hoạch tài chính</b>   |             |               |
| 3.1       | Tổng doanh thu              | Tỷ đồng     | 9.237         |
| 3.2       | Tổng chi phí                | Tỷ đồng     | 8.724         |
| 3.3       | Lợi nhuận trước thuế        | Tỷ đồng     | 513           |
| 3.4       | Lợi nhuận sau thuế          | Tỷ đồng     | 433           |
| 3.5       | Nộp NSNN                    | Tỷ đồng     | 159           |

**b. Kế hoạch Công ty mẹ**

| STT | Chỉ tiêu                                        | Đơn vị tính | Kế hoạch 2020 |
|-----|-------------------------------------------------|-------------|---------------|
| 1   | Vốn chủ sở hữu                                  | Tỷ đồng     | 7.589         |
| 2   | Tổng doanh thu                                  | Tỷ đồng     | 8.703         |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế                            | Tỷ đồng     | 491           |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                              | Tỷ đồng     | 421           |
| 5   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ          | %           | 10,7          |
| 6   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH              | %           | 5,5           |
| 7   | Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ                   | %           | 10            |
| 8   | Nộp NSNN                                        | Tỷ đồng     | 142           |
| 9   | Nguồn vốn đầu tư                                | Tỷ đồng     | 107           |
| -   | Đầu tư XD CB và mua sắm tài sản, trang thiết bị | Tỷ đồng     | 107           |
| -   | Đầu tư tài chính                                | Tỷ đồng     | -             |

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu có những chỉ tiêu kế hoạch cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (nếu có) cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong lần họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

- 1.3. Thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất của Tổng công ty năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 1.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

| Stt      | Chỉ tiêu                                                    | Công thức tính                                                | Số tiền (VND)          |
|----------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------|
| <b>1</b> | <b>Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang</b> |                                                               | <b>325.884.080.695</b> |
| <b>2</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế 2019</b>                              |                                                               | <b>370.429.943.631</b> |
| <b>3</b> | <b>Trích lập các quỹ từ LNST 2019</b>                       | <b>(3=3.1+3.2)</b>                                            | <b>75.431.588.726</b>  |
| 3.1      | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, trong đó                    | Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 | 33.945.600.000         |
|          | - Quỹ KTPL người lao động                                   |                                                               | 32.520.000.000         |
|          | - Quỹ KT của người quản lý                                  |                                                               | 1.425.600.000          |
| 3.2      | Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động                       |                                                               | 41.485.988.726         |
| <b>4</b> | <b>Lợi nhuận còn lại năm 2019 sau khi trích lập các quỹ</b> | <b>(4=1+2-3)</b>                                              | <b>620.882.435.600</b> |
| <b>5</b> | <b>Chia cổ tức</b>                                          |                                                               | <b>469.601.112.000</b> |
|          | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)                           | 12%/mệnh giá                                                  | 1.200                  |
| <b>6</b> | <b>Lợi nhuận chuyển sang năm 2020</b>                       | <b>(6=4-5)</b>                                                | <b>151.281.323.600</b> |

Giao cho Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện thủ tục chi trả cổ tức 2019 theo phương án nêu trên (phần còn lại sau khi trừ đi cổ tức đã chi tạm ứng 500 đồng/cổ phiếu cho cổ đông).

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

| Stt | Chỉ tiêu                                                    | Công thức tính                                                | Số tiền (VNĐ)                    |
|-----|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | <b>Lợi nhuận sau thuế 2019 chuyển sang</b>                  |                                                               | <b>151.281.323.600</b>           |
| 2   | <b>Lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo KH được chấp thuận</b>  |                                                               | <b>421.000.000.000</b>           |
| 3   | <b>Trích lập các quỹ từ LNST 2020</b>                       | <b>(3=3.1+3.2)</b>                                            | <b>85.794.375.000</b>            |
| 3.1 | Trích quỹ KT-PL người lao động                              | Theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 | 84.250.000.000                   |
| 3.2 | Trích quỹ KT người quản lý                                  |                                                               | 1.544.375.000                    |
| 3.3 | Trích bổ sung quỹ KTPL người lao động                       |                                                               | 20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch |
| 4   | <b>Lợi nhuận còn lại năm 2020 sau khi trích lập các quỹ</b> | <b>(4=2-3)</b>                                                | <b>335.205.625.000</b>           |
| 5   | <b>Tổng lợi nhuận để lại đến năm 2020</b>                   | <b>(5=1+4)</b>                                                | <b>486.486.948.600</b>           |
| 6   | <b>Chia cổ tức</b>                                          |                                                               | <b>391.334.260.000</b>           |
|     | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)                           |                                                               | 1.000                            |
| 7   | <b>Lợi nhuận chuyển sang năm 2021</b>                       | <b>(7=5-6)</b>                                                | <b>95.152.688.600</b>            |

Căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động SXKD năm 2020 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 vào kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm 2021 cho phù hợp.

1.5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.

1.6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2020.

Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

1.7. Thông qua báo cáo thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020 (số tạm tính):

- Báo cáo thực hiện năm 2019: **7.181.000.000** đồng.
- Dự toán năm 2020: **7.884.000.000** đồng (bao gồm 10% dự phòng).

1.8. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Hồng Vinh với lý do nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/05/2020.

1.9. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị .

- Ông/Bà ..... trúng cử thành viên Hội đồng quản với nhiệm kỳ 5 năm (2020-2025)

1.10. Thông qua nguyên tắc quyết toán hợp đồng mua bán khí năm 2019 giữa Tổng công ty và Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas) như sau: “Lượng khí giao cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ trước tiên cho toàn bộ lượng khí từ mỏ Bạch Hổ - Rồng Đồi Mồi. Đối với lượng khí thiếu hụt, PV Gas sẽ phân bổ từ các nguồn khí khác thuộc bể Cửu Long và bể

Nam Côn Sơn theo tỷ lệ tương ứng là 50% và 50%. Cước phí vận chuyển theo nguyên tắc nguồn nào giá đó.”

- 1.11. Thông qua chủ trương: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tìm kiếm và chủ động quyết định việc mua khí nguyên liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và chỉ đạo của các Cấp có thẩm quyền.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, 16/06/2020.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Thủ trưởng các Ban/Văn phòng và đơn vị trực thuộc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - công ty cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Lưu VT, VPHĐQT (TTV).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nguyễn Tiến Vinh**

**THÔNG TIN TRÍCH NGANG LÝ LỊCH ỨNG CỬ VIÊN**  
(bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày  
16/06/2020 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP)

**Họ và tên: Trịnh Văn Khiêm**

1. Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 21/02/1973
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Trình độ học vấn: Đại học
5. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị doanh nghiệp
6. Quá trình công tác:

| <b>Từ tháng, năm<br/>đến tháng, năm</b> | <b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>                                                                                             |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/1994 - 05/1996                       | Chuyên viên phòng Kinh doanh, Tổ chức – Hành chính, Kế hoạch – Đầu tư, Công ty 489, Cục Quản lý Hành chính BTM- Cơ quan Bộ Quốc Phòng. |
| 06/1996- 08/2000                        | Trợ lý Giám đốc, Công ty 489, Cục Quản lý Hành chính BTM- Cơ quan Bộ Quốc Phòng.                                                       |
| 09/2000- 11/2001                        | Chuyên viên Phòng kinh doanh, Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Khí, Vũng Tàu                                                |
| 12/2001- 07/2006                        | Chuyên viên Phòng kinh doanh, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                        |
| 08/2006 – 05/2007                       | Phó Trưởng Phòng kinh doanh, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                         |
| 06/2007 – 07/2007                       | Trưởng Phòng kinh doanh, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                             |
| 08/2007 – 06/2008                       | Phó Tổng Giám đốc, Công ty kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam – Tp.HCM                                                                   |
| 07/2008-08/2008                         | Chuyên viên Tổ chuyển đổi Doanh Nghiệp, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần.                                   |
| 09/2008 – 03/2011                       | Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                                                      |
| 04/2011 – 06/2013                       | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                                                 |
| 07/2013 – 01/2016                       | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ                                                     |
| 02/2016 - Nay                           | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ                                                      |

7. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
8. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ TV HĐQT/BKS và các chức danh quản lý khác: Không có
9. Các lợi ích có liên quan đến công ty (nếu có) [ như nắm giữ cổ phiếu, có vay nợ với Tổng công ty, có doanh nghiệp liên quan giao dịch kinh tế với công ty....]

-----